Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2024/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 167 HĐ/CTN ngày 24 tháng 8 năm 1998 của Chủ tịch nước về việc phê chuẩn Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC CẤM VŨ KHÍ HOÁ HỌC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (sau đây gọi tắt là Công ước Cấm vũ khí hóa học) trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

1. Các quy định chung về việc thực hiện Công ước Cấm vũ khí hoá học.

2. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến, sử dụng, tàng trữ hoá chất Bảng; sản xuất hoá chất DOC, DOC-PSF.

3. Báo cáo hoá chất Bảng, hoá chất DOC, DOC-PSF.

4. Các quy định về thanh sát và thanh tra, kiểm tra.

5. Quản lý nhà nước về hoá chất Bảng, hoá chất DOC, DOC-PSF.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến các hoạt động thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

1. Các hoạt động thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học được áp dụng theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Các hành vi bị cấm và các mục đích không bị cấm áp dụng theo khoản 1 Điều 1 và khoản 9 Điều 2 Công ước Cấm vũ khí hóa học.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vũ khí hoá học được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hoá học bao gồm các loại sau đây, riêng biệt hoặc trong tổ hợp:

a) Các hóa chất độc và tiền chất của chúng, trừ trường hợp được sử dụng cho những mục đích không bị cấm theo Công ước Cấm vũ khí hóa học với số lượng và chủng loại phù hợp với các mục đích đó;

b) Đạn dược và thiết bị được thiết kế chuyên biệt để gây tử vong hoặc gây tác hại khác thông qua độc tính của các hoá chất độc nêu tại điểm a khoản này. Độc tính của các hóa chất có thể phát sinh khi sử dụng các loại đạn dược và/hoặc thiết bị này;

c) Bất kỳ loại trang thiết bị nào được thiết kế chuyên dụng, trực tiếp liên quan đến sử dụng các loại đạn dược và/hoặc thiết bị nêu tại điểm b khoản này.

2. Hóa chất độc được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là bất kỳ hóa chất nào, thông qua phản ứng hóa học của hóa chất đó lên quá trình sống, có thể gây tử vong, tê liệt tạm thời hoặc tác hại lâu dài đối với con người và động vật. Khái niệm này được áp dụng cho tất cả các loại hóa chất có đặc tính nêu trên, không phân biệt nguồn gốc, phương pháp sản xuất và cơ sở sản xuất, kể cả quân sự hoặc phi quân sự.

3. Tiền chất được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là bất kỳ hoá chất nào tham gia ở bất cứ công đoạn nào và bằng bất kỳ phương pháp nào trong việc tạo ra một hóa chất độc. Tiền chất bao gồm bất kỳ thành phần chủ yếu nào của hệ hoá chất nhị nguyên tố hoặc đa nguyên tố.

4. Hóa chất Bảng là hóa chất độc và tiền chất bị kiểm soát theo quy định của Công ước Cấm vũ khí hóa học và được phân theo thứ tự 1, 2, 3 theo tiêu chí quy định tại phụ lục Hóa chất của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Hóa chất Bảng bao gồm chất thuộc Danh mục và hỗn hợp chất chứa chất thuộc Danh mục.

5. Chất chống bạo loạn được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là bất kỳ hoá chất nào không phải hoá chất Bảng nhưng có thể nhanh chóng gây ra tác động kích thích trên con người hoặc làm mất khả năng của cơ thể, các tác động này sẽ biến mất trong thời gian ngắn sau khi ngừng tiếp xúc với hóa chất.

6. Hóa chất hữu cơ riêng biệt (hóa chất DOC) được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học bao gồm tất cả các hợp chất có chứa cacbon, ngoại trừ các ôxit, sunfua của các hợp chất này và các cacbonat kim loại, được phân biệt bởi tên, công thức cấu tạo (nếu có) hoặc số đăng ký CAS (nếu có) của hóa chất đó. Hóa chất DOC-PSF được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hoá học là hóa chất hữu cơ riêng biệt có chứa một trong các nguyên tố như phốt pho, lưu huỳnh hoặc flo.

7. Sản xuất hóa chất được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là hoạt động điều chế một hóa chất thông qua phản ứng hóa học.

8. Kinh doanh hóa chất bao gồm hoạt động buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất để cung ứng hóa chất trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.

9. Chế biến hóa chất được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hoá học là việc thực hiện các quá trình vật lý như pha chế, chưng cất, chiết xuất, tinh lọc mà ở đó hóa chất không bị biến đổi thành hóa chất khác.

10. Sử dụng hóa chất được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là việc chuyển hóa một hóa chất thành một hóa chất khác thông qua phản ứng hóa học.

11. Tàng trữ hóa chất Bảng được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là việc lưu giữ, bảo quản hóa chất Bảng chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết trong kho chứa, thùng chứa, bồn chứa chuyên dụng tại cơ sở hóa chất.

12. Tổ chức Cấm vũ khí hóa học (sau đây gọi tắt là Tổ chức Công ước) là tổ chức do các Quốc gia thành viên Công ước thành lập nhằm đạt được mục tiêu và quản lý các đối tượng của Công ước Cấm vũ khí hóa học, đảm bảo việc

thực hiện các điều khoản, kể cả các điều khoản về kiểm chứng quốc tế đối với việc tuân thủ Công ước Cấm vũ khí hóa học và tạo ra diễn đàn tham khảo, hợp tác giữa các Quốc gia thành viên.

13. Quốc gia thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học là quốc gia đã ký và phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước Cấm vũ khí hóa học và chính thức trở thành thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học sau ngày thứ 30 kể từ ngày nộp lưu chiểu phê chuẩn hoặc thông báo về việc gia nhập Công ước Cấm vũ khí hóa học cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

14. Cơ sở hóa chất được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là nơi diễn ra một hay nhiều hoạt động sản xuất, chế biến, sử dụng và tàng trữ hóa chất chịu sự kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Cơ sở hóa chất có thể là một địa điểm gồm một hay nhiều nhà máy, hoặc một bộ phận sản xuất độc lập.

Bộ phận sản xuất là tổ hợp của các chủng loại thiết bị bao gồm cả thùng chứa đã có hoặc tự tạo cần thiết cho quá trình sản xuất, chế biến và sử dụng hóa chất.

Cơ sở hóa chất được phân thành cơ sở hóa chất Bảng 1, 2, 3 và cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF, trong đó:

a) Cơ sở hóa chất Bảng 1 là nơi diễn ra một hay nhiều hoạt động sản xuất, chế biến, sử dụng hoặc tàng trữ hóa chất Bảng 1. Cơ sở hóa chất Bảng 1 được phân thành cơ sở quy mô đơn lẻ và cơ sở khác, trong đó:

Cơ sở quy mô đơn lẻ là cơ sở sản xuất hóa chất Bảng 1 cho các mục đích: Nghiên cứu, y tế, dược phẩm hoặc quốc phòng, an ninh. Tại cơ sở quy mô đơn lẻ, việc sản xuất được thực hiện trong các thiết bị phản ứng không cấu thành sản xuất liên tục. Dung tích của các thiết bị phản ứng không vượt quá 100 lít và tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít không vượt quá 500 lít.

Cơ sở khác là cơ sở hóa chất Bảng 1 nhưng khác với cơ sở quy mô đơn lẻ, bao gồm: Cơ sở sản xuất hóa chất Bảng 1 cho mục đích quốc phòng, an ninh với tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm; cơ sở sản xuất các hóa chất Bảng 1 cho mục đích nghiên cứu, y tế hoặc dược phẩm với sản lượng trên 100 gam/năm đối với một hóa chất nhưng tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm; phòng thí nghiệm điều chế tổng hợp hóa chất Bảng 1 cho mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm với tổng sản lượng từ 100 gam/năm trở lên;

b) Cơ sở hóa chất Bảng 2 là nơi diễn ra một hay nhiều hoạt động sản xuất, chế biến hoặc sử dụng hóa chất Bảng 2;

c) Cơ sở hóa chất Bảng 3 là nơi diễn ra hoạt động sản xuất hóa chất Bảng 3;

d) Cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF là nơi diễn ra hoạt động sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF.

15. Sản lượng được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là khối lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất, chế biến, sử dụng hoặc dự kiến sản xuất, chế biến, sử dụng một hóa chất cụ thể trong năm nào đó của một cơ sở hóa chất. Sản lượng hóa chất có thể bằng hoặc vượt công suất sản xuất hóa chất đó của cơ sở.

16. Kiểm chứng số liệu xuất khẩu, nhập khẩu là việc Tổ chức Công ước hoặc Cơ quan Quốc gia Việt Nam kiểm tra, xem xét, đối chiếu số liệu xuất khẩu, nhập khẩu các hóa chất Bảng của các tổ chức, cá nhân được cấp phép nhằm mục đích tái xác nhận sự phù hợp của các số liệu đã báo cáo hoặc phát hiện các sai sót phải điều chỉnh để bảo đảm sự minh bạch, chính xác và trung thực của việc báo cáo.

17. Thanh sát quốc tế được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hóa học là cuộc kiểm tra tại chỗ do Tổ chức Công ước tiến hành tại một cơ sở hóa chất thuộc diện bị thanh sát đã được Quốc gia thành viên báo cáo với Tổ chức Công ước nhằm xác nhận sự phù hợp của thông tin đã báo cáo và chứng nhận việc tuân thủ các quy định của Công ước Cấm vũ khí hóa học tại cơ sở nêu trên.

a) Thanh sát ban đầu là cuộc thanh sát đầu tiên của Tổ chức Công ước đối với một cơ sở hóa chất bất kỳ thuộc diện bị thanh sát;

b) Thanh sát lại là cuộc thanh sát sau cuộc thanh sát ban đầu đối với một cơ sở hóa chất Bảng 3 hoặc cơ sở DOC, DOC-PSF do Tổ chức Công ước tiến hành để tái kiểm tra sự phù hợp của báo cáo mà quốc gia thành viên đã nộp cho Tổ chức Công ước;

c) Thanh sát có hệ thống là cuộc thanh sát sau cuộc thanh sát ban đầu được tiến hành định kỳ tại một cơ sở hóa chất Bảng 1 hoặc Bảng 2 theo một thoả thuận riêng về cơ sở đó (thoả thuận cơ sở) nhằm mục đích kiểm tra và tái xác nhận sự phù hợp của báo cáo mà Quốc gia thành viên đã đệ trình với Tổ chức Công ước;

d) Thanh sát đột xuất là cuộc thanh sát đối với một cơ sở hóa chất bất kỳ nằm trên lãnh thổ hoặc bất cứ nơi nào thuộc quyền tài phán của một Quốc gia thành viên vào bất kỳ thời điểm nào nhằm mục đích làm sáng tỏ các cáo buộc về việc không tuân thủ Công ước Cấm vũ khí hóa học tại cơ sở hoá chất nêu trên. Thanh sát đột xuất được tiến hành trên cơ sở yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác và được Hội đồng Chấp hành của Tổ chức Công ước xem xét, quyết định theo trình tự quy định tại Điều IX và phần X Thanh sát đột xuất theo điều IX của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

đ) Thoả thuận cơ sở là thoả thuận được ký kết giữa Quốc gia thành viên với Tổ chức Công ước liên quan đến việc thanh sát một cơ sở hóa chất cụ thể thuộc diện bị thanh sát. Thoả thuận cơ sở được dự thảo trong thời gian diễn ra cuộc thanh sát ban đầu và thường được lập đối với các cơ sở hóa chất Bảng 1 và 2.

e) Đội hộ tống là nhóm chuyên gia do Cơ quan Quốc gia Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập để phối hợp làm việc với Đoàn thanh sát quốc tế của Tổ chức Công ước trong quá trình Đoàn thanh sát quốc tế tiến hành hoạt động thanh sát tại Việt Nam.

18. Bản sao là bản chụp từ bản chính hoặc bản đánh máy có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong bản gốc.

Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, bản sao là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu. Đối với hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì bản sao là bản scan từ bản gốc hoặc bản điện tử hợp lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

19. CAS là mã số định danh duy nhất cho các nguyên tố hóa học, các hợp chất hóa học, các polyme, các chuỗi sinh học, các hỗn hợp và các hợp kim.

20. Danh mục thiết bị thanh sát được định nghĩa theo Công ước Cấm vũ khí hoá học là những thiết bị và dụng cụ cần thiết cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Đoàn thanh sát đã được Tổ chức Công ước xác nhận.

Điều 5. Danh mục hóa chất Bảng

1. Ban hành Danh mục các hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Bổ sung trường hợp ngoại trừ đối với một số hoá chất thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất như sau:

STT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Mã HS	Mã CAS	Công thức hóa học
55	Asen và hợp chất của asen, ngoại trừ:	Arsenic and arsenic compounds. Exemption:	2812.10	---	---
	Arsenic trichloride	Arsenic trichloride	2812.10	7784-34-1	$AsCl_3$
79	Xyanua và hợp chất xyanua, ngoại trừ:	Cyanide and cyanide compound. Exemption:	2811.19	---	---
	Cyanogen chloride	Cyanogen chloride	2853.10	506-77-4	CClN
	Hydrogen cyanide	Hydrogen cyanide	2811.12	74-90-8	HCN

3. Bãi bỏ một số hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất như sau:

STT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Mã HS	Mã CAS	Công thức hóa học
263	Dimetyl photphit	Dimethyl phosphite	29209090	868-85-9	$C_2H_7O_3P$
333	Fonofos (O-Etyl S-pheny letyl photphonodithioat) onofos	Fonofos (O-Ethyl S-phenylethylphosphonodithioate)	29309090	944-22-9	$C_{10}H_{15}OS_2P$
489	Metyl dietanol amin	Methyldiethanol amine	29221990	105-59-9	$C_5H_{13}ON$
618	Pinacolyl alcohol: 3,3-Dimetyl butan-2-ol	Pinacolyl alcohol: 3,3-Dimetylbutan-2-ol	29051900	464-07-3	$C_6H_{14}O$
720	Triethy photphit	Triethy phosphite	29209090	122-52-1	$C_6H_{15}O_3P$

4. Bãi bỏ một số hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất như sau:

STT	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Mã HS	Mã CAS	Công thức hóa học
137	Bis(2-clo etyl) sunphit	Bis(2-chloro ethyl) sulphide	29309090	505-60-2	$C_4H_8Cl_2S$
198	Cacbon diclorua	Carbonic dichloride (phosgene)	28112990	75-44-5	CCl_2O
242	Clopicrin: Triclo nitro metan	Chloropicrin: Trichloro nitro metan	29049000	76-06-2	CCl_3NO_2
291	Cyanogen clorit	Cyanogen chloride	28530000	506-77-4	CClN
374	Dietyl photphit	Diethyl phosphite	29209090	762-04-9	$C_4H_{11}O_3P$
527	Fonofos	Fonofos	29309090	944-22-9	$C_{10}H_{15}OS_2P$
656	Lưu huỳnh clorua	Sulfur monochloride	28121000	10025-67-9	Cl_2S_2
658	Lưu huỳnh diclorit	Sulfur dichloride	28121000	10545-99-0	SCl_2
762	N,n-dietyl amino etanol	N,n-diethyl amino etanol	29221990	100-37-8	$C_6H_{15}ON$

767	N,n-dimetyl amino etanol và các muối proton hóa chất tương ứng	N,n-Dimetyl amino ethanol	29221990	108-01-0	$C_4H_{11}ON$
815	N-etyl diethanol amin	N-Ethyl diethanol amine	29221990	139-87-7	$C_6H_{15}O_2N$
918	PFIB: 1,1,3,3,3-Pentaflo-2-(triflo metyl)-1-propen	1-Propene,1,1,3,3,3-pentafluoro-2-(trifluoromethyl)-	29033990	382-21-8	C_4F_8
935	Phosphorus triclorit	Phosphorus trichloride	28121000	7719-12-2	PCl_3
937	Photpho pentaclorua	Phosphorus penta chloride	28121000	10026-13-8	PCl_5
1090	Trietyl photphit	Triethy phosphite	29209090	122-52-1	$C_6H_{15}O_3P$
1103	Trimetyl photphit	Trimethyl phosphite	29209090	121-45-9	$C_3H_9O_3P$

5. Hóa chất Bảng 1 thuộc Danh mục Hóa chất cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

Điều 6. Cơ quan quốc gia Việt Nam thực hiện Công ước Cấm vũ khí hoá học

Cục Hoá chất (Bộ Công Thương) được chỉ định là Cơ quan quốc gia Việt Nam thực hiện Công ước Cấm vũ khí hoá học, đầu mối liên hệ giữa Việt Nam với Tổ chức Công ước và với các Quốc gia thành viên khác theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Công ước.

Điều 7. Phòng, chống phổ biến vũ khí hoá học

Các nội dung về phòng, chống phổ biến vũ khí hóa học được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II
SẢN XUẤT, KINH DOANH , XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, CHẾ BIẾN, SỬ DỤNG, TÀNG TRỮ HÓA CHẤT BẢNG; SẢN XUẤT HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF

Mục 1
YÊU CẦU VỀ AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT BẢNG; SẢN XUẤT HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF; THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HÓA CHẤT

Điều 8. Yêu cầu về an toàn trong sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng; sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Cơ sở sản xuất hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF phải đáp ứng các yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 Luật Hóa chất và Điều 4, khoản 1 và 2 Điều 5, khoản 1 và 2 Điều 6 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 113/2017/NĐ-CP).

2. Cơ sở kinh doanh hóa chất Bảng phải đáp ứng các yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 Luật Hóa chất và Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1 và 2 Điều 6 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

Điều 9. Thực hiện các quy định về quản lý hóa chất

1. Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến, sử dụng và tàng trữ hóa chất Bảng; sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF phải tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Điều 36, 37, 39 và 42 Luật Hóa chất; Điều 20 và 21 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 82/2022/NĐ-CP).

2. Phân loại, ghi nhãn và Phiếu an toàn hóa chất

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất Bảng; sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF có trách nhiệm phân loại, ghi nhãn, lập Phiếu an toàn hóa chất đối với hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF trước khi đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 27, 28 và 29 Luật Hóa chất; Điều 23 và 24 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

3. Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc

Tổ chức, cá nhân mua bán hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF có trách nhiệm lập Phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc theo Điều 23 Luật Hóa chất nếu các hóa chất có một trong những đặc tính nguy hiểm quy định từ điểm đ đến điểm n khoản 4 Điều 4 Luật Hóa chất.

4. Huấn luyện an toàn hóa chất

Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF, kinh doanh, xuất nhập khẩu, chế biến, sử dụng và tàng trữ hóa chất Bảng phải tuân thủ các quy định về huấn luyện an toàn hóa chất tại các Điều 31, 32, 33 và 34 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

5. San chiết, đóng gói hóa chất Bảng

Yêu cầu đối với việc san chiết, đóng gói hóa chất Bảng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

6. Cung cấp thông tin và lưu trữ thông tin hóa chất

Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF, kinh doanh, xuất nhập khẩu, chế biến, sử dụng và tàng trữ hóa chất Bảng có trách nhiệm cung cấp thông tin và lưu trữ thông tin về hóa chất theo quy định tại Điều 49, Điều 53 Luật Hóa chất.

7. Vận chuyển hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF

Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của pháp luật về đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không dân dụng, hàng hải, các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên và các quy định khác của pháp luật.

Mục 2
SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT BẢNG; SẢN XUẤT HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF

Điều 10. Điều kiện cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng

1. Điều kiện sản xuất

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

c) Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất Bảng phải có trình độ từ đại học trở lên chuyên ngành hóa chất;

d) Các đối tượng thuộc quy định tại Điều 32 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

2. Điều kiện kinh doanh

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

c) Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất và an toàn phòng, chống cháy nổ;

d) Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất Bảng phải có trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành hóa chất;

đ) Các đối tượng thuộc quy định tại Điều 32 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

3. Cơ sở sản xuất hóa chất Bảng 1 ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Chỉ được sản xuất hóa chất Bảng 1 cho một hoặc một số mục đích đặc biệt được quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư, bao gồm phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh;

b) Quy mô sản xuất tại cơ sở quy mô đơn lẻ, dung tích của các thiết bị phản ứng không vượt quá 100 lít và tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít không vượt quá 500 lít. Quy mô sản xuất tại các cơ sở khác, tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm đối với mục đích bảo vệ; sản lượng không vượt quá 100 gam/năm đối với một hoá chất nhưng tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm đối với mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm; tổng sản lượng không vượt quá 100 gam/năm đối với các phòng thí nghiệm.

4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện: Chỉ được sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1

1. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất được quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trong đó, nêu rõ quy mô sản xuất tại cơ sở quy mô đơn lẻ, dung tích của các thiết bị phản ứng không vượt quá 100 lít và tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít không vượt quá 500 lít. Quy mô sản xuất tại các cơ sở khác, tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm đối với mục đích bảo vệ; sản lượng không vượt quá 100 gam/năm đối với một hoá chất nhưng tổng sản lượng không vượt quá 10

kg/năm đối với mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm; tổng sản lượng không vượt quá 100 gam/năm đối với các phòng thí nghiệm. Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa;

c) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất;

d) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

đ) Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

e) Bản sao Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

Bản sao Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

g) Bản cam kết sản xuất hóa chất Bảng 1 cho một hoặc một số mục đích đặc biệt được quy định tại khoản 2, Điều 6 Luật Đầu tư, bao gồm phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 16 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế. Trường hợp đáp ứng điều kiện sản xuất, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ cấp giấy

phép sản xuất hoá chất Bảng 1 theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ Công Thương có văn bản trả lời không cấp Giấy phép, nêu rõ lý do;

d) Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành trước khi trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị cấp Giấy phép. Thời gian lấy ý kiến đối đa 05 ngày làm việc, không kể thời gian gửi và nhận văn bản và không tính vào thời gian cấp phép quy định tại Điều này. Quá thời hạn trên, nếu Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành không có ý kiến góp ý bằng văn bản thì được coi là đồng ý với đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân.

4. Hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; bản chính Giấy phép đã được cấp trong trường hợp Giấy phép bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép trong trường hợp Giấy phép bị hư hỏng (nếu có);

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương kiểm tra và trình Thủ tướng Chính phủ cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định không cấp lại Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

5. Hồ sơ, thủ tục điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép và gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; bản chính Giấy phép đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thực hiện như cấp mới Giấy phép.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, miễn trừ Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

1. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất được quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa;

c) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất đối với cơ sở sản xuất hóa chất Bảng;

d) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

đ) Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

e) Bản sao Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

Bản sao Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

g) Bản cam kết sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản kê khai các điểm kinh doanh;

c) Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

d) Bản sao văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

Bản sao Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

đ) Bản thuyết minh về điều kiện kinh doanh được quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;

e) Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn của từng điểm kinh doanh hóa chất;

g) Bản sao Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;

h) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

i) Bản cam kết kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản kê khai các cơ sở sản xuất, điểm kinh doanh hóa chất;

c) Bản sao quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa

chất;

d) Bản sao văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

Bản sao Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

đ) Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất và kinh doanh được quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa, Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;

e) Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

g) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất; Bản sao Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;

h) Bản sao quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

i) Bản cam kết sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép

cho tổ chức, cá nhân theo mẫu tại Phụ lục II của Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích chuyên ngành (y tế, dược phẩm, nông nghiệp, an ninh, quốc phòng), khi cần thiết, Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành trước khi cấp phép. Thời gian lấy ý kiến đối đa 05 ngày làm việc, không kể thời gian gửi và nhận văn bản và không tính vào thời gian cấp phép quy định tại Điều này. Quá thời hạn trên, nếu Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành không có ý kiến góp ý bằng văn bản thì được coi là đồng ý với đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân;

đ) Sau khi cấp phép, Bộ Công Thương gửi 01 bản Giấy phép về Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

6. Miễn trừ cấp Giấy phép kinh doanh đối với hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3 có nồng độ dưới 1%.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Trường hợp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; bản chính Giấy phép đã được cấp trong trường hợp Giấy phép bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép trong trường hợp Giấy phép bị hư hỏng (nếu có);

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép và gửi Bộ Công Thương nhận qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy

phép; bản chính Giấy phép đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép như cấp mới Giấy phép.

Điều 13. Đánh giá điều kiện thực tế cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng để cấp phép

1. Đánh giá điều kiện thực tế cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng bao gồm quan sát hiện trường cơ sở về đảm bảo các yêu cầu liên quan đến an toàn hóa chất; xem xét và tra cứu tài liệu, hồ sơ và các hoạt động khác có liên quan.

2. Nội dung đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trong quá trình đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng, đoàn đánh giá ghi biên bản đánh giá được quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Bộ Công Thương thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng. Đoàn đánh giá có ít nhất 03 thành viên bao gồm 02 thành viên của Bộ Công Thương (trong đó 01 thành viên là Trưởng đoàn), 01 thành viên là đại diện của Sở Công Thương nơi có trụ sở chính hoặc nơi có kho chứa hóa chất của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng.

Điều 14. Thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng là cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép.

2. Việc thu hồi Giấy phép được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Hoá chất và các văn bản hướng dẫn.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng và đáp ứng các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy và môi trường.

2. Duy trì các điều kiện về sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh và các quy định về quản lý hóa chất quy định tại Điều 8, 9 và 10 Nghị định này sau khi được cấp phép.

3. Phải lập sổ theo dõi riêng việc mua bán hóa chất Bảng. Sổ theo dõi có các nội dung: Tên hóa chất Bảng, hàm lượng, khối lượng xuất khẩu, nhập khẩu,

mua, bán, tồn kho; tên khách hàng gồm các thông tin như địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ kinh doanh, số điện thoại, mục đích mua bán hóa chất Bảng.

4. Thực hiện các quy định về báo cáo tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định này; thực hiện các quy định về thanh sát, thanh tra, kiểm tra tại Chương IV Nghị định này.

5. Lưu giữ Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng tại cơ sở sản xuất, kinh doanh làm căn cứ để tổ chức, cá nhân thực hiện công tác kiểm soát an toàn tại cơ sở hóa chất và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với trường hợp hóa chất Bảng bị mất, thất lạc trên đường vận chuyển; mất, thất lạc tại cơ sở.

Điều 16. Yêu cầu đối với cơ sở sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Đảm bảo các yêu cầu trong sản xuất và các quy định về quản lý hóa chất theo quy định tại Điều 8 và 9 Nghị định này.

2. Thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

3. Các cơ sở sản xuất hóa chất DOC có sản lượng trên 200 tấn/năm, DOC-PSF có sản lượng trên 30 tấn/năm phải thực hiện các quy định về thanh sát, thanh tra, kiểm tra tại Chương IV Nghị định này.

Mục 3
NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU HÓA CHẤT BẢNG

Điều 17. Yêu cầu chung về nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 từ các Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trường hợp việc xuất khẩu hóa chất Bảng 3 được thực hiện với tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên của Công ước thì phải có Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng là điều kiện để thông quan khi nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng.

3. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu hóa chất Bảng để kinh doanh sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng.

4. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng thực hiện các quy định về báo cáo tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định này; thực hiện các quy định về thanh tra, kiểm tra tại Điều 34 và 35 Nghị định này.

5. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất Bảng để sử dụng trong quá trình sản xuất phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 21 và 22 Nghị định này.

6. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng không phải thực hiện các quy định về khai báo hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo theo quy định của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

Điều 18. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoá chất Bảng 1

1. Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

c) Bản sao một trong các tài liệu sau: hợp đồng, thoả thuận mua bán, hóa đơn, vận đơn ghi rõ tên, số lượng hóa chất Bảng, thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và quốc gia dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Phiếu an toàn hóa chất (bằng tiếng Việt).

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Công Thương kiểm tra và trình Thủ tướng Chính phủ cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ không cấp Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

đ) Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành trước khi trình Thủ tướng Chính phủ cấp phép. Thời gian lấy ý kiến đối đa 05 ngày làm việc, không kể thời gian gửi và nhận văn bản và không tính vào thời gian cấp phép quy định tại Điều này. Quá thời hạn trên, nếu Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành không có ý kiến góp ý bằng văn bản thì được coi là đồng ý với đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; bản chính Giấy phép đã được cấp trong trường hợp Giấy phép bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép trong trường hợp Giấy phép bị hư hỏng (nếu có);

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương kiểm tra trình Thủ tướng Chính phủ cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ không cấp lại Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp thay đổi nội dung hợp đồng, thỏa thuận mua bán, đơn đặt hàng, bản ghi nhớ hoặc hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép và gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thực hiện như cấp mới Giấy phép.

6. Hồ sơ, thủ tục gia hạn Giấy phép

a) Giấy phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại khoản 3 Điều này nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong. Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần;

b) Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 10 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn Giấy phép phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

c) Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép; bản sao Giấy phép đã được cấp;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương kiểm tra, trình Thủ tướng Chính phủ gia hạn Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ không gia hạn Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

đ) Giấy phép được gia hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

Điều 19. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn và miễn trừ Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

1. Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

c) Bản sao một trong các tài liệu sau: hợp đồng, thoả thuận mua bán, hóa đơn, vận đơn ghi rõ tên, số lượng hóa chất Bảng, thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và quốc gia dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Phiếu an toàn hóa chất (bằng tiếng Việt);

đ) Bản sao Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu không phải là Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học (trường hợp xuất khẩu hóa chất Bảng 3 với quốc gia không phải thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học).

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ hồ sơ quy định khoản 2 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc

kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Công Thương kiểm tra và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

đ) Trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích chuyên ngành (y tế, dược phẩm, nông nghiệp, an ninh, quốc phòng), khi cần thiết, Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành trước khi cấp phép. Thời gian lấy ý kiến đối đa 05 ngày làm việc, không kể thời gian gửi và nhận văn bản và không tính vào thời gian cấp phép quy định tại Điều này. Quá thời hạn trên, nếu Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành không có ý kiến góp ý bằng văn bản thì được coi là đồng ý với đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân.

4. Miễn trừ cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3 có nồng độ dưới 1%.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; bản chính Giấy phép đã được cấp trong trường hợp Giấy phép bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép trong trường hợp Giấy phép bị hư hỏng;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp thay đổi nội dung hợp đồng, thỏa thuận mua bán, đơn đặt hàng, bản ghi nhớ hoặc hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép và gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

7. Hồ sơ, thủ tục gia hạn Giấy phép

a) Giấy phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại khoản 3 Điều này nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong. Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần;

b) Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 05 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn Giấy phép phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi Bộ Công Thương qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

c) Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép; bản sao Giấy phép đã được cấp;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương kiểm tra, gia hạn Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

đ) Giấy phép được gia hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

8. Việc tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

9. Tại thời điểm thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, tổ chức, cá nhân không phải xuất trình Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho cơ quan hải quan.

Điều 20. Thu hồi Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng là cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép.

2. Việc thu hồi Giấy phép được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Hoá chất và các văn bản hướng dẫn.

Mục 4
CHẾ BIẾN, SỬ DỤNG, TÀNG TRỮ HÓA CHẤT BẢNG

Điều 21. Yêu cầu chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất Bảng

1. Tổ chức, cá nhân chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất Bảng để sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác phải tuân thủ các quy định tại Chương V Luật Hóa chất và thực hiện quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất Bảng 1 thực hiện quy định về báo cáo tại Điều 23 Nghị định này. Tổ chức, cá nhân chế biến, sử dụng hóa chất Bảng 2 thực hiện quy định về báo cáo tại Điều 24 Nghị định này.

3. Tổ chức, cá nhân chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất Bảng thực hiện các quy định về thanh sát tại Chương IV Nghị định này.

Điều 22. Hồ sơ theo dõi tình hình chế biến, sử dụng hóa chất Bảng

1. Cơ sở chế biến, sử dụng hóa chất Bảng phải lập hồ sơ theo dõi việc chế biến, sử dụng hóa chất Bảng, gồm:

a) Sổ theo dõi chế biến, sử dụng hóa chất Bảng;

b) Phiếu an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung ghi chép trong Sổ theo dõi chế biến, sử dụng hóa chất Bảng phải cập nhật đầy đủ các thông tin gồm: Tên khoa học, tên thương mại, công thức hóa học của hóa chất; số lượng hóa chất chế biến hoặc sử dụng, thông tin liên quan đến sự cố hóa chất, an toàn hóa chất (nếu có); những đặc tính, tác động phát sinh mới gây nguy hiểm của hóa chất (nếu có).

3. Sổ theo dõi chế biến, sử dụng hóa chất Bảng và Phiếu an toàn hóa chất được lưu giữ tại cơ sở chế biến, sử dụng hóa chất Bảng trong thời gian 03 năm kể từ ngày kết thúc chế biến, sử dụng hóa chất đó.

Chương III
BÁO CÁO HÓA CHẤT BẢNG, HÓA CHẤT DOC, DOC – PSF

Điều 23. Báo cáo đối với hóa chất Bảng 1

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất nhập khẩu, chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất Bảng 1 phải thực hiện báo cáo với Cục Hóa chất theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời gian báo cáo cụ thể như sau:

a) Chậm nhất 210 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động (theo Mẫu số 08a Phụ lục II) hoặc trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi hoạt

động hiện có (theo Mẫu số 08b Phụ lục II);

b) Chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện việc xuất khẩu hoặc nhập khẩu (theo Mẫu số 08c Phụ lục II);

c) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm nộp báo cáo về các hoạt động có trong năm trước và các hoạt động dự kiến cho năm tiếp theo (theo Mẫu số 08d Phụ lục II). Báo cáo hằng năm được thực hiện thông qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

Điều 24. Báo cáo đối với hóa chất Bảng 2

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, chế biến, sử dụng hóa chất Bảng 2 với sản lượng 01 kg/năm đối với một hóa chất Bảng 2A*; 100 kg/năm đối với một hóa chất Bảng 2A; 01 tấn/năm đối với một hóa chất Bảng 2B hoặc với nồng độ từ 1% trở lên đối với hóa chất Bảng 2A* và 2A; nồng độ từ 30% trở lên đối với hóa chất Bảng 2B phải báo cáo với Cục Hóa chất theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời gian báo cáo cụ thể như sau:

a) Chậm nhất 60 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động (theo Mẫu số 09a Phụ lục II);

b) Chậm nhất 30 ngày trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi hoạt động hiện có (theo Mẫu số 09b Phụ lục II);

c) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, nộp báo cáo về các hoạt động có trong năm trước và các hoạt động dự kiến trong năm tiếp theo (theo Mẫu số 09c Phụ lục II). Báo cáo hằng năm được thực hiện thông qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

Điều 25. Báo cáo đối với hóa chất Bảng 3

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hóa chất Bảng 3 với nồng độ từ 30% trở lên phải báo cáo với Cục Hóa chất theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời gian báo cáo cụ thể như sau:

a) Chậm nhất 60 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động (theo Mẫu số 10a Phụ lục II);

b) Chậm nhất 30 ngày trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi hoạt động hiện có (theo Mẫu số 10b Phụ lục II);

c) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, nộp báo cáo về các hoạt động có

trong năm trước và các hoạt động dự kiến trong năm tiếp theo (theo Mẫu số 10c Phụ lục II). Báo cáo hằng năm được thực hiện thông qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

Điều 26. Báo cáo đối với hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất DOC với sản lượng từ 200 tấn/năm trở lên và sản xuất hóa chất DOC-PSF với sản lượng từ 30 tấn/năm trở lên phải báo cáo với Cục Hóa chất quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời gian báo cáo cụ thể như sau:

a) Chậm nhất 60 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động (theo Mẫu số 11a Phụ lục II);

b) Chậm nhất 30 ngày trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi hoạt động hiện có (theo Mẫu số 11b Phụ lục II);

c) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, nộp báo cáo về các hoạt động có trong năm trước và các hoạt động dự kiến trong năm tiếp theo (theo Mẫu số 11c Phụ lục II). Báo cáo hằng năm được thực hiện thông qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

Chương IV
CÁC QUY ĐỊNH VỀ THANH SÁT VÀ THANH TRA, KIỂM TRA

Mục 1
THANH SÁT QUỐC TẾ

Điều 27. Đối tượng thanh sát

1. Các cơ sở hóa chất Bảng 1 là đối tượng thanh sát ban đầu và thanh sát có hệ thống của Tổ chức Công ước.

2. Các cơ sở hóa chất Bảng 2 là đối tượng thanh sát ban đầu và thanh sát có hệ thống của Tổ chức Công ước nếu có sản lượng bằng hoặc vượt ngưỡng sau:

a) 10 kg/năm đối với một hóa chất Bảng 2A*;

b) 01 tấn/năm đối với một hóa chất Bảng 2A;

c) 10 tấn/năm đối với một hóa chất Bảng 2B.

3. Các cơ sở hóa chất Bảng 3 có sản lượng từ 200 tấn/năm trở lên là đối tượng thanh sát ban đầu và thanh sát lại của Tổ chức Công ước.

4. Các cơ sở sản xuất hóa chất DOC với sản lượng trên 200 tấn/năm và

sản xuất hóa chất DOC-PSF với sản lượng trên 30 tấn/năm là đối tượng thanh sát ban đầu và thanh sát lại của Tổ chức Công ước.

5. Tổ chức Công ước có thể tiến hành thanh sát đột xuất tại bất kỳ cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF khi có cáo buộc về việc vi phạm Công ước Cấm vũ khí hóa học.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ sở bị thanh sát

1. Chấp hành đầy đủ các quy định về thanh sát của Tổ chức Công ước; tuân thủ hướng dẫn của Đội hộ tống trong quá trình tiến hành thanh sát tại cơ sở; hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn thanh sát quốc tế của Tổ chức Công ước hoàn thành nhiệm vụ quy định trong lệnh thanh sát.

2. Bố trí phòng làm việc, tủ tài liệu có khóa, điện thoại cố định nối mạng quốc tế, máy fax và máy hủy tài liệu cho Đoàn thanh sát quốc tế.

3. Bố trí cán bộ có thẩm quyền và am hiểu về hoạt động của cơ sở hóa chất Bảng như: Quản lý, kỹ thuật công nghệ, kinh doanh, tài chính, môi trường, an toàn lao động để làm việc với Đoàn thanh sát quốc tế.

4. Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, sơ đồ, bản vẽ, sổ sách cần thiết để làm việc với Đoàn thanh sát quốc tế.

5. Hỗ trợ Đoàn thanh sát quốc tế lấy mẫu khi được yêu cầu.

6. Các chi phí sử dụng được Ban Thư ký của Tổ chức Công ước hoàn trả cho cơ sở khi phía cơ sở yêu cầu theo mẫu của Tổ chức Công ước.

Điều 29. Yêu cầu thanh sát

1. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 1

a) Kiểm tra các hoạt động tại cơ sở theo yêu cầu tại Phần I - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Kiểm tra việc thực hiện quy định về báo cáo hóa chất Bảng 1;

c) Đánh giá khả năng gây rủi ro của các hoạt động hóa chất tại cơ sở.

2. Đối với hóa chất Bảng 2

a) Kiểm tra các hoạt động tại cơ sở theo yêu cầu tại Phần VI - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Kiểm tra việc thực hiện quy định về báo cáo hóa chất Bảng 2;

c) Đánh giá khả năng gây rủi ro của các hoạt động hóa chất tại cơ sở.

3. Đối với hóa chất Bảng 3 và hóa chất DOC, DOC-PSF

a) Kiểm tra các hoạt động tại cơ sở theo yêu cầu tại Phần VII - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Kiểm tra các hóa chất Bảng được sản xuất tại cơ sở theo yêu cầu tại phần X - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

Điều 30. Trách nhiệm của Cơ quan Quốc gia Việt Nam và Đội hộ tống trong việc tiếp đón và làm việc với Đoàn thanh sát quốc tế của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học

1. Cơ quan Quốc gia Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Đội hộ tống để tiếp đón và làm việc với Đoàn thanh sát quốc tế của Tổ chức Công ước. Thành viên Đội hộ tống gồm đại diện các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Đoàn thanh sát đến làm việc.

2. Đội hộ tống thay mặt Cơ quan quốc gia thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện quyền kiểm tra theo khoản 29 mục c Phần II - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học để đảm bảo sự phù hợp của số thiết bị do Đoàn thanh sát quốc tế mang vào Việt Nam;

b) Tạo điều kiện để Đoàn thanh sát quốc tế hoàn thành nhiệm vụ theo đúng nội dung tại quyết định thanh sát của Tổ chức Công ước;

c) Phối hợp với cơ sở bị thanh sát và các đơn vị chức năng, chuyên môn liên quan thực hiện mọi biện pháp bảo vệ cơ sở, thông tin và số liệu không liên quan đến mục đích và nội dung thanh sát.

3. Đối với các cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2: Trong thời gian tiến hành cuộc thanh sát ban đầu, Cơ quan Quốc gia Việt Nam, Đội hộ tống cùng đại diện cơ sở tổ chức đàm phán với Đoàn thanh sát quốc tế để thống nhất nội dung của thỏa thuận cơ sở trong đó quy định các chi tiết cho việc thanh sát có hệ thống tại cơ sở kể từ sau cuộc thanh sát ban đầu.

4. Cơ quan Quốc gia Việt Nam, Đội hộ tống phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Điều 31. Thời gian thanh sát

1. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 1

a) Thời gian thông báo quyết định thanh sát không dưới 24 giờ trước khi tới địa điểm nhập cảnh;

b) Thời gian tiến hành thanh sát tại cơ sở phụ thuộc vào nguy cơ rủi ro đối với các mục tiêu và mục đích của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

2. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 2

a) Thời gian thông báo quyết định thanh sát không dưới 48 giờ trước khi tới địa điểm bị thanh sát;

b) Thời gian tiến hành thanh sát tại cơ sở là 96 giờ, có thể kéo dài trên cơ sở thỏa thuận riêng cụ thể.

3. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF

a) Thời gian thông báo quyết định thanh sát không dưới 120 giờ trước khi tới địa điểm bị thanh sát;

b) Thời gian tiến hành thanh sát tại cơ sở là 24 giờ, có thể kéo dài trên cơ sở thỏa thuận riêng cụ thể.

Điều 32. Quy trình thanh sát

1. Phương pháp tiến hành thanh sát

a) Thanh sát bằng trực quan thiết bị sản xuất, phòng điều khiển, phòng thí nghiệm, kho chứa nguyên liệu và khu vực xử lý chất thải;

b) Kiểm tra hồ sơ, tài liệu;

c) Thảo luận và phỏng vấn;

d) Lấy mẫu và phân tích nếu cần.

2. Trình tự thanh sát

a) Nghe đại diện cơ sở giới thiệu về cơ sở, gồm các nội dung: Hoạt động của cơ sở; sơ đồ mặt bằng của nhà máy, phân xưởng là đối tượng thanh sát; phản ứng hóa học; quy trình công nghệ; cân bằng vật chất, nguyên liệu của sản xuất; xử lý chất thải; các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe;

b) Thăm các hạng mục nằm trong phạm vi cơ sở;

c) Thống nhất kế hoạch và nội dung thanh sát;

d) Kiểm tra khu vực vận hành sản xuất; kiểm tra các hồ sơ về cung ứng nguyên liệu, sản phẩm và sản xuất; kiểm tra kho hàng, khu vực xử lý chất thải,

khu vực lưu giữ các hóa chất không đạt chỉ tiêu kỹ thuật; tham quan phòng thí nghiệm (nếu có); kiểm tra tài liệu.

Kiểm tra tài liệu bao gồm những hạng mục: Tài liệu quy trình công nghệ (sơ đồ tiến trình công nghệ, công suất, sơ đồ công ty, bản đồ nhà máy); nhật ký vận hành nhà máy, hồ sơ các mẻ; hồ sơ kiểm tra chất lượng, kể cả các số liệu phân tích; hồ sơ về kho hàng và vận chuyển (cả bên trong lẫn bên ngoài); các tài liệu về đảm bảo sức khỏe, an toàn và môi trường, gồm Phiếu an toàn hóa chất (MSDS) của các hóa chất, quy trình vận hành chuẩn (SOP), quy định an toàn riêng của cơ sở, quy định về giới hạn tiếp xúc với các hóa chất có trong cơ sở, cảnh báo nguy hại có thể có;

đ) Trong vòng 24 giờ sau khi kết thúc thanh sát, Đoàn thanh sát quốc tế cùng đại diện của cơ sở và Cơ quan Quốc gia Việt Nam xem xét lại kết quả thanh sát ban đầu do Đoàn thanh sát quốc tế đưa ra và làm rõ các nội dung còn nghi ngờ (nếu có). Kết quả ban đầu được thể hiện trong dự thảo Báo cáo sơ bộ về cuộc thanh sát được ký giữa đại diện của cơ sở và Cơ quan Quốc gia Việt Nam với Trưởng Đoàn thanh sát quốc tế.

3. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2

a) Trong thời gian tiến hành cuộc thanh sát ban đầu sẽ diễn ra các cuộc đàm phán giữa Đoàn thanh sát quốc tế và Cơ quan Quốc gia Việt Nam thống nhất về nội dung dự thảo thỏa thuận liên quan đến việc thanh sát tại các cơ sở để trình Tổ chức Công ước và Chính phủ Việt Nam ký kết;

b) Việc thanh sát lại cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 thực hiện như thanh sát đối với cơ sở hóa chất Bảng 3 và cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF quy định tại điểm b khoản 17 Điều 4 Nghị định này.

4. Thanh sát đột xuất

a) Thanh sát đột xuất nhằm làm sáng tỏ cáo buộc của một quốc gia thành viên về việc vi phạm quy định Công ước Cấm vũ khí hóa học tại một cơ sở hóa chất thuộc diện kiểm soát của một quốc gia thành viên khác;

b) Thời gian thông báo quyết định thanh sát đột xuất: Không dưới 12 giờ trước khi tới địa điểm nhập cảnh. Thời gian tiến hành thanh sát tại cơ sở không quá 84 giờ, trừ khi được kéo dài theo thỏa thuận với quốc gia bị thanh sát.

Điều 33. Ưu đãi và miễn trừ

1. Trong thời gian thực hiện việc thanh sát tại Việt Nam, thành viên của Đoàn thanh sát quốc tế được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao theo quy định về các đặc quyền ưu đãi và miễn trừ của Liên hợp quốc năm 1946.

2. Mẫu vật, thiết bị thuộc danh mục thiết bị được Hội nghị các Quốc gia thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học phê chuẩn do Đoàn thanh sát quốc tế mang vào Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ thanh sát thì được miễn báo cáo và

kiểm tra hải quan; được miễn thuế nhập khẩu, xuất khẩu.

Mục 2
THANH TRA, KIỂM TRA

Điều 34. Thanh tra

1. Thanh tra các hoạt động liên quan đến việc thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Thanh tra đột xuất dựa trên những căn cứ sau đây:

a) Thông qua công tác quản lý của mình, cơ quan có thẩm quyền phát hiện các thông tin, tài liệu có dấu hiệu vi phạm các quy định của Công ước Cấm vũ khí hóa học, quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Có tin báo, tố giác về các hoạt động vi phạm.

Điều 35. Kiểm tra

1. Định kỳ hàng năm, Cơ quan Quốc gia Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra đối với các cơ sở hóa chất Bảng và hóa chất DOC, DOC-PSF.

2. Đối tượng được kiểm tra gồm các cơ sở hóa chất Bảng và hóa chất DOC, DOC - PSF được quy định tại Điều 27 Nghị định này.

3. Kiểm tra nhằm các mục đích sau đây:

a) Các đối tượng được kiểm tra tuân thủ đầy đủ các quy định của Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Nâng cao năng lực chuyên môn cho các đối tượng được kiểm tra, chuẩn bị đón tiếp các Đoàn thanh sát quốc tế của Tổ chức Công ước;

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Công ước Cấm vũ khí hóa học đến các đối tượng được kiểm tra.

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC CẤM VŨ KHÍ HOÁ HỌC

Điều 36. Trách nhiệm của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Công Thương là cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Công

Thương thực hiện các nội dung sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi theo thẩm quyền Giấy phép sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3; tiếp nhận hồ sơ và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1;

c) Quản lý việc sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

d) Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Công ước Cấm vũ khí hóa học và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

e) Chủ trì thực hiện hợp tác quốc tế trong khuôn khổ của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

3. Bộ Quốc phòng quản lý đạn dược, thiết bị tại điểm b và c khoản 1 Điều 4 Nghị định này; thực hiện việc quản lý, thanh tra, kiểm tra các hoạt động liên quan đến Công ước Cấm vũ khí hóa học trong các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Bộ Công an quản lý chất chống bạo loạn tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này; thực hiện việc quản lý, thanh tra, kiểm tra các hoạt động liên quan đến Công ước Cấm vũ khí hóa học trong các đơn vị thuộc Bộ Công an.

5. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phối hợp trong việc cấp thị thực nhập cảnh cho thanh sát viên và trợ lý thanh sát của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học phù hợp các quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với thiết bị phát sóng vô tuyến điện của Tổ chức Công ước thuộc Danh mục thiết bị thanh sát với các yêu cầu về vận hành và thông số kỹ thuật được phê duyệt bởi Hội nghị các Quốc gia thành viên, để đảm bảo thông tin liên lạc nội bộ trong thời gian Tổ chức Công ước tiến hành hoạt động thanh sát tại Việt Nam.

Điều 37. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Phối hợp với Cơ quan Quốc gia Việt Nam tiếp đón Đoàn thanh sát quốc tế đối với các cơ sở hóa chất Bảng và hóa chất DOC, DOC - PSF.

2. Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về hoạt động hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC - PSF đối với các đơn vị được cấp phép tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý.

3. Phối hợp với Bộ Công Thương tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC - PSF tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Tiếp nhận báo cáo định kỳ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất Bảng và sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF tại địa phương.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục được sử dụng cho đến khi hết hạn ghi trong Giấy phép.

2. Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp đối với 03 hóa chất: Arsenic trichloride, Cyanogen chloride, Hydrogen cyanide được cấp trước khi Nghị định này có hiệu lực, được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện đối với các hóa chất được bãi bỏ theo khoản 3 Điều 5 Nghị định này, được cấp trước khi Nghị định này có hiệu lực, được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Thủ tục khai báo hóa chất nhập khẩu đối với các hóa chất phải khai báo được bãi bỏ theo khoản 4 Điều 5 Nghị định này, được thực hiện trước khi Nghị định này có hiệu lực, tiếp tục có giá trị cho đến khi thực hiện xong thủ tục nhập khẩu.

5. Cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng rà soát để hoàn thiện điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng quy định tại Nghị định này và phải đăng ký cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng trong thời hạn 12

tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

6. Các quy định về báo cáo hoá chất Bảng, hoá chất DOC, DOC - PSF quy định tại mục c, khoản 2 các Điều 23, 24, 25, 26 Nghị định này thông qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia được áp dụng kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.

Điều 39. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Nghị định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 5 năm 2024.

2. Nghị định này thay thế các văn bản quy phạm pháp luật; điểm, khoản, điều của các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

b) Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 47 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

c) Điều 12 và 13 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

d) Điều 6 và 7 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

3. Bãi bỏ Quyết định số 76/2002/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổ công tác thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí hoá học và phá huỷ các loại vũ khí này (Công ước Cấm vũ khí hoá học).

Điều 41. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,

các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2)$_{110}$

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Lưu Quang

Phụ lục I
DANH MỤC HÓA CHẤT BẢNG

(Kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ)

Những hóa chất Bảng dưới đây là những chất chính (cơ chất), còn các dẫn xuất của chúng được Tổ chức Công ước liệt kê trong Sổ tay Hóa chất hoặc trên Cơ sở dữ liệu của Tổ chức Công ước (https://apps.opcw.org/CAS/default.aspx). Đến tháng 12 năm 2022, Cơ sở dữ liệu của Tổ chức Công ước ghi nhận 35.849 hóa chất Bảng. Thông tin về các hóa chất Bảng này sẽ được Bộ Công Thương cung cấp theo yêu cầu cụ thể.

1. Hóa chất Bảng 1

STT	Tên hóa chất theo tiếng Việt	Tên hóa chất theo tiếng Anh	Mã số HS	Mã CAS	Công thức hóa học
1A	**Các hóa chất độc**	**Toxic Chemicals**			
1.	Các hợp chất O-Alkyl (<C10, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate,	O-Alkyl (<=C10, incl. cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr)-phosphonofluoridates	2931.59		
	Ví dụ:	E.g.			
	Sarin: O-Isopropyl methylphosphonofluoridate	Sarin: O-Isopropyl methylphosphonofluoridate	2931.59	107-44-8	$C_4H_{10}FO_2P$
	Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	2931.59	96-64-0	$C_7H_{16}FO_2P$
2.	Các hợp chất O-Alkyl (<C10, gồm cả cycloalkyl) N,N-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate	O-Alkyl (<=C10, incl. cycloalkyl) N,N-dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphoramidocyanidates	2931.49		
	Ví dụ:	E.g.			
	Tabun:O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	Tabun:O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	2931.49	77-81-6	$C_5H_{11}N_2O_2P$

3.	Các hợp chất O-Alkyl (H or <C10, gồm cả cycloalkyl) S-2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng	O-Alkyl (H or <=C10, incl. cycloalkyl) S-2-dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonothiolates and corresponding alkylated or protonated salts			
	Ví dụ:	E.g.			
	VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	2930.90	50782-69-9	$C_{11}H_{26}NO_2PS$
4.	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh:	Sulfur mustards:			
	2-Chloroethylchloromethylsulfide	2-Chloroethylchloromethylsulfide	2930.90	2625-76-5	$C_3H_6Cl_2S$
	Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide	Mustard gas: Bis(2-chloroethyl)sulfide	2930.90	505-60-2	$C_4H_8Cl_2S$
	Bis(2-chloroethylthio)methane	Bis(2-chloroethylthio)methane	2930.90	63869-13-6	$C_5H_{10}Cl_2S_2$
	Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane	Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane	2930.90	3563-36-8	$C_6H_{12}Cl_2S_2$
	1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane	1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane	2930.90	63905-10-2	$C_7H_{14}Cl_2S_2$
	1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane	1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane	2930.90	142868-93-7	$C_8H_{16}Cl_2S_2$
	1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane	1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane	2930.90	142868-94-8	$C_9H_{18}Cl_2S_2$
	Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether	Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether	2930.90	63918-90-1	$C_6H_{12}Cl_2OS_2$
	Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl)ether	O-Mustard: Bis(2-chloroethylthioethyl)ether	2930.90	63918-89-8	$C_8H_{16}Cl_2OS_2$
5.	Các hợp chất Lewisite	Lewisites:			
	Lewisite 1: 2-Chlorovinyldichloroarsine	Lewisite 1: 2-Chlorovinyldichloroarsine	2931.90	541-25-3	$C_2H_2AsCl_3$
	Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine	Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine	2931.90	40334-69-8	$C_4H_4AsCl_3$
	Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	2931.90	40334-70-1	$C_6H_6AsCl_3$
6.	Hơi cay Nitơ	Nitrogen mustards:			
	HN1: Bis(2-chloroethyl)ethylamine	HN1: Bis(2-chloroethyl)ethylamine	2921.19	538-07-8	$C_6H_{13}Cl_2N$
	HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine	HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine	2921.19	51-75-2	$C_5H_{11}Cl_2N$
	HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	2921.19	555-77-1	$C_6H_{12}Cl_3N$

7.	Saxitoxin	Saxitoxin	2939.80	35523-89-8	$C_{10}H_{17}N_7O_4$
8.	Ricin	Ricin	3002.49	9009-86-3	$C_{21}H_{16}FN_3OS$
9.	P-Alkyl (H hoặc ≤C10, gồm cả cycloalkyl) N-(1-(dialkyl (≤C10, gồm cả Cycloalkyl) amino)) alkylidene (H hoặc ≤C10, gồm cả cycloalkyl) phosphoramidic fluorides và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng	P-alkyl (H or ≤C10, incl. cycloalkyl) N-(1-(dialkyl(≤C10, incl. cycloalkyl)amino))alkylidene(H or ≤C10, incl. cycloalkyl) phosphonamidic fluorides and corresponding alkylated or protonated salts	2931.59		
	Ví dụ:	E.g.			
	N-(1-(di-n-decylamino)-n-decylidene)-P-decylphosphonamidic fluoride	N-(1-(di-n-decylamino)-n-decylidene)-P-decylphosphonamidic fluoride	2931.59	2387495-99-8	$C_{40}H_{82}FN_2OP$
	Methyl-(1-(diethylamino)ethylidene)phosphonamidofluoridate	Methyl-(1-(diethylamino)ethylidene)phosphonamidofluoridate	2931.59	2387496-12-8	$C_7H_{16}FN_2OP$
10.	O-alkyl (H hoặc ≤C10, gồm cả cycloalkyl) N-(1-(dialkyl (≤C10, gồm cả Cycloalkyl) amino)) alkylidene (H hoặc ≤C10, gồm cả cycloalkyl) phosphoramidofluoridates và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng	O-alkyl (H or ≤C10, incl. cycloalkyl) N-(1-(dialkyl(≤C10, incl. cycloalkyl)amino))alkylidene(H or ≤C10, incl. cycloalkyl) phosphoramidofluoridates and corresponding alkylated or protonated salts	2929.90		
	Ví dụ:	E.g.			
	O-n-Decyl N-(1-(di-n-decylamino)-n-decylidene)phosphoramidofluoridate	O-n-Decyl N-(1-(di-n-decylamino)-n-decylidene)phosphoramidofluoridate	2929.90	2387496-00-4	$C_{40}H_{82}FN_2O_2P$
	Methyl (1-(diethylamino)ethylidene)phosphoramidofluoridate	Methyl (1-(diethylamino)ethylidene)phosphoramidofluoridate	2929.90	2387496-04-8	$C_7H_{16}FN_2O_2P$
	Ethyl (1-(diethylamino)ethylidene)phosphoramidofluoridate	Ethyl (1-(diethylamino)ethylidene)phosphoramidofluoridate	2929.90	2387496-06-0	$C_8H_{18}FN_2O_2P$

11.	Methyl-(bis(diethylamino)methylene)phosphonamidofluoridate	Methyl-(bis(diethylamino)methylene)phosphonamidofluoridate	2931.59	2387496-14-0	$C_{10}H_{23}FN_3OP$
12.	Carbamate (bậc bốn và bậc hai của dimethylcarbamoyloxypyridines)	Carbamates (quaternaries and bisquaternaries of dimethylcarbamoyloxypyridines)	2933.39		
	Bậc 4 của dimethylcarbamoyloxypyridines:	Quaternaries of dimethylcarbamoyloxypyridines:	2933.39		
	1-[N,N-dialkyl(≤C10)-N-(n-(hydroxyl, cyano, acetoxy)alkyl(≤C10)) ammonio]-n-[N-(3-dimethylcarbamoxy-α-picolinyl)-N,N-dialkyl(≤C10) ammonio]decane dibromide (n=1-8)	1-[N,N-dialkyl(≤C10)-N-(n-(hydroxyl, cyano, acetoxy)alkyl(≤C10)) ammonio]-n-[N-(3-dimethylcarbamoxy-α-picolinyl)-N,N-dialkyl(≤C10) ammonio]decane dibromide (n=1-8)	2933.39		
	Ví dụ:	E.g.			
	1-[N,N-dimethyl-N-(2-hydroxy)ethylammonio]-10-[N-(3-dimethylcarbamoxy-α-picolinyl)-N,N-dimethylammonio]decane dibromide	1-[N,N-dimethyl-N-(2-hydroxy)ethylammonio]-10-[N-(3-dimethylcarbamoxy-α-picolinyl)-N,N-dimethylammonio]decane dibromide	2933.39	77104-62-2	$C_{25}H_{48}BrN_4O_3+$
	Bisquaternaries của dimethylcarbamoyloxypyridines:	Bisquaternaries of dimethylcarbamoyloxypyridines:	2933.39		
	1,n-Bis[N-(3-dimethylcarbamoxy-α-picolyl)-N,N-dialkyl(≤C10) ammonio]-alkane-(2,(n-1)-dione) dibromide (n=2-12)	1,n-Bis[N-(3-dimethylcarbamoxy-α-picolyl)-N,N-dialkyl(≤C10) ammonio]-alkane-(2,(n-1)-dione) dibromide (n=2-12)	2933.39		
	Ví dụ:	E.g.			
	1,10-Bis[N-(3-dimethylcarbamoxy-α-picolyl)-N-ethyl-N-methylammonio]decane-2,9-dione dibromide	1,10-Bis[N-(3-dimethylcarbamoxy-α-picolyl)-N-ethyl-N-methylammonio]decane-2,9-dione dibromide	2933.39	77104-00-8	$C_{34}H_{54}Br_2N_6O_6$

1B	Các tiền chất	Precursors			
13.	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride	Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluorides			
	Ví dụ:	E.g.			
	DF: Methylphosphonyldifluoride	DF: Methylphosphonyldifluoride	2931.59	676-99-3	CH_3F_2OP
14.	Các hợp chất O-Alkyl (H hoặc <=C10, bao gồm cycloalkyl) O-2-dalkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) photphonit và muối alkyl hóa hoặc proton tương ứng	O-Alkyl (H or <=C10, incl. cycloalkyl) O-2-dalkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonites and corresponding alkylated or protonated salts			
	Ví dụ:	E.g.			
	QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	2931.49	57856-11-8	$C_{11}H_{26}NO_2P$
15.	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	2931.59	1445-76-7	$C_4H_{10}ClO_2P$
16.	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	2931.59	7040-57-5	$C_7H_{16}ClO_2P$

2. Hóa chất Bảng 2

STT	Tên hóa chất theo tiếng Việt	Tên hóa chất theo tiếng Anh	Mã số HS	Mã CAS	Công thức hóa học
2A	**Các hóa chất độc**	**Toxic Chemicals**			
1.	Amiton: O,O-Diethyl S-[2-(diethylamino) ethyl] phosphorothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng	Amiton: O,O-Diethyl S-[2-(diethylamino)ethyl] phosphorothiolate and corresponding alkylated or protonated salts	2930.90	78-53-5	$C_{10}H_{24}NO_3PS$
2.	PFIB: 1,1,3,3,3-Pentafluoro-2-(trifluoromethyl)-1-propene	PFIB: 1,1,3,3,3-Pentafluoro-2-(trifluoromethyl)-1-propene	2903. 59	382-21-8	C_4F_8
2A*					
3.	BZ: 3-Quinuclidinyl benzilate (*)	BZ: 3-Quinuclidinyl benzilate (*)	2933.39	6581-06-2	$C_{21}H_{23}NO_3$
2B	**Các tiền chất**	**Precursors**			
4.	Các hóa chất, trừ các chất đã được liệt kê tại Bảng 1, chứa 1 nguyên tử phospho liên kết với một nhóm methyl, ethyl hoặc propyl (mạch thẳng hoặc nhánh) nhưng không liên kết thêm với các nguyên tử các bon khác	Chemicals, except for those listed in Schedule 1, containing a phosphorus atom to which is bonded one methyl, ethyl or propyl (normal or iso) group but not further carbon atoms	Nếu là các dẫn xuất phospho – hữu cơ không halogen hoá, áp mã: 2931.41 2931.42 2931.43 2931.49 Nếu là các dẫn xuất phospho – hữu cơ halogen hoá, áp mã: 2931.51 2931.52 2931.53 2931.59		

	Ví dụ	E.g			
	Methylphosphonyl dichloride	Methylphosphonyl dichloride	2931.00	676-97-1	CH_3Cl_2OP
	Dimethyl methylphosphonate	Dimethyl methylphosphonate	2931.00	756-79-6	$C_3H_9O_3P$
	Ngoại trừ: Fonofos:	Exemption: Fonofos:			
	O-Ethyl S-phenyl ethylphosphonothiolothionate	O-Ethyl S-phenyl ethylphosphonothiolothionate	2931.00	944-22-9	$C_{10}H_{15}OPS_2$
5.	Các hợp chất N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphoramidic dihalide	N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphoramidic dihalides	2929.90		
6.	Các hợp chất Dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) N,N-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphoramidate	Dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) N,N-dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr)-phosphoramidates	2929.90		
7.	Arsenic trichloride	Arsenic trichloride	2812.19	7784-34-1	$AsCl_3$
8.	2,2-Diphenyl-2-hydroxyacetic acid	2,2-Diphenyl-2-hydroxyacetic acid	2918.17	76-93-7	$C_{14}H_{12}O_3$
9.	Quinuclidin-3-ol	Quinuclidin-3-ol	2933.35	1619-34-7	$C_7H_{13}NO$
10.	Các hợp chất N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) aminoethyl-2-chloride	N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) aminoethyl-2-chlorides	2922.19		
	và các muối proton hóa tương ứng	and corresponding protonated salts			
11.	Các hợp chất N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) aminoethane-2-ol	N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) aminoethane-2-ols	2922.19		
	và các muối proton hóa tương ứng	and corresponding protonated salts			
	Ngoại trừ:	Exemptions:			
	N,N-Dimethylaminoethanol	N,N-Dimethylaminoethanol	2922.19	108-01-0	$C_4H_{11}NO$
	và các muối proton hóa tương ứng	and corresponding protonated salts			
	N,N-Diethylaminoethanol	N,N-Diethylaminoethanol	2922.19	100-37-8	$C_6H_{15}NO$
	và các muối proton hóa tương ứng	and corresponding protonated salts			

12.	Các hợp chất N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) aminoethane-2-thiol và các muối proton hóa tương ứng	N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) aminoethane-2-thiols and corresponding protonated salts	2930.90		
13.	Thiodiglycol: Bis(2-hydroxyethyl) sulfide	Thiodiglycol: Bis(2-hydroxyethyl)sulfide	2930.70	111-48-8	$C_4H_{10}O_2S$
14.	Pinacolyl alcohol: 3,3-Dimethylbutan-2-ol	Pinacolyl alcohol: 3,3-Dimethylbutan-2-ol	2905.19	464-07-3	$C_6H_{14}O$

3. Hóa chất Bảng 3

STT	Tên hóa chất theo tiếng Việt	Tên hóa chất theo tiếng Anh	Mã số HS	Mã CAS	Công thức hóa học
3A	**Các hóa chất độc**	**Toxic Chemicals**			
1.	Phosgene: Carbonyl dichloride	Phosgene: Carbonyl dichloride	2812.11	75-44-5	CCl_2O
2.	Cyanogen chloride	Cyanogen chloride	2853.10	506-77-4	CClN
3.	Hydrogen cyanide	Hydrogen cyanide	2811.12	74-90-8	HCN
4.	Chloropicrin:Trichloronitromethane	Chloropicrin:Trichloronitromethane	2904.91	76-06-2	CCl_3NO_2
3B	**Các tiền chất**	**Precursors**			
5.	Phosphorus oxychloride	Phosphorus oxychloride	2812.12	10025-87-3	Cl_3OP
6.	Phosphorus trichloride	Phosphorus trichloride	2812.13	7719-12-2	Cl_3P
7.	Phosphorus pentachloride	Phosphorus pentachloride	2812.14	10026-13-8	Cl_5P
8.	Trimethyl phosphite	Trimethyl phosphite	2920.23	121-45-9	$C_3H_9O_3P$
9.	Triethyl phosphite	Triethyl phosphite	2920.24	122-52-1	$C_6H_{15}O_3P$
10.	Dimethyl phosphite	Dimethyl phosphite	2920.21	868-85-9	$C_2H_7O_3P$
11.	Diethyl phosphite	Diethyl phosphite	2920.22	762-04-9	$C_4H_{11}O_3P$
12.	Sulfur monochloride	Sulfur monochloride	2812.15	10025-67-9	Cl_2S_2
13.	Sulfur dichloride	Sulfur dichloride	2812.16	10545-99-0	Cl_2S
14.	Thionyl chloride	Thionyl chloride	2812.17	7719-09-7	Cl_2OS
15.	Ethyldiethanolamine	Ethyldiethanolamine	2922.17	139-87-7	$C_6H_{15}NO_2$
16.	Methyldiethanolamine	Methyldiethanolamine	2922.17	105-59-9	$C_5H_{13}NO_2$
17.	Triethanolamine	Triethanolamine	2922.15	102-71-6	$C_6H_{15}NO_3$

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU
(Kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ)

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Văn bản đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng	Mẫu số 01
2	Văn bản đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng	Mẫu số 02
3	Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng	Mẫu số 03
4	Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng	Mẫu số 04
5	Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng	Mẫu số 05
6	Đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng	Mẫu số 06
7	Biên bản đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng	Mẫu số 07
8	Báo cáo hóa chất Bảng 1	Mẫu số 08
9	Báo cáo hóa chất Bảng 2	Mẫu số 09
10	Báo cáo hóa chất Bảng 3	Mẫu số 10
11	Báo cáo hóa chất DOC, DOC-PSF	Mẫu số 11



Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: . . . . . /. . . . .[1]

[2] . . . , *ngày . . . tháng . . . năm . . .*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy phép. . . . . .[3] Hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

2. Đề nghị. . . . . [4] cấp. . . . . [7] Giấy phép. . . . . [3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Sản lượng/ khối lượng (năm)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							
2							
n							

3. Giải trình thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, kinh doanh hoặc thay đổi sản lượng sản xuất, khối lượng kinh doanh (nếu có)[10]

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[11]:

1. . . . . .

2. . . . . .

3. . . . . .

4. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.

[3] Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh" tên hóa chất Bảng (ví dụ hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2, …).

[4] Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

[5] Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).

[6] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.

[7] Trường hợp cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép thì ghi rõ "cấp lại" hoặc "cấp điều chỉnh" và nêu tên Giấy phép đã được cấp, thời gian cấp, lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.

[8] Nêu rõ hàm lượng %.

[9] Nêu rõ sản lượng hóa chất Bảng sản xuất tối đa trong một năm (kg, tấn/năm). Trường hợp kinh doanh hóa chất Bảng ghi là khối lượng.

[10] Nêu rõ việc thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, sản lượng sản xuất/thay đổi hóa chất bảng kinh doanh, khối lượng kinh doanh.

[11] Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ.

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày . . . tháng . . . năm . . .*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh
Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

- Mục đích nhập khẩu: Sử dụng ☐ Kinh doanh ☐ Khác ☐

2. Đề nghị. . . . [4] cấp. . . . [7] giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Khối lượng (kg, tấn)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							
2							
n							

3. Hợp đồng/Thoả thuận mua bán/Hóa đơn/Vận đơn số: . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .

4. Tên quốc gia nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

5. Thời gian thực hiện nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[10]:

1. . . . . .

2. . . . . .

3. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:
[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.
[3] Ghi rõ "nhập khẩu" hoặc "xuất khẩu".
[4] Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
[5] Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).
[6] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.
[7] Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh nêu rõ lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.
[8] Nêu rõ hàm lượng %.
[9] Nêu rõ khối lượng hóa chất Bảng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (kg, tấn).
[10] Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ (đánh số thứ tự).

Kèm theo Mẫu số 02

GIẤY CHỨNG NHẬN SỬ DỤNG CUỐI CÙNG[1]

Nước xuất khẩu: . . . . . .

Người xuất khẩu: . . . . . .

A. HÓA CHẤT CHUYỂN GIAO		
Loại:	Tên IUPAC	
	Số CAS	
Tổng khối lượng:		
B. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CUỐI CÙNG		
1.		
2.		
3.		
C. NGƯỜI SỬ DỤNG CUỐI CÙNG		
Tôi (Chúng tôi) xác nhận là những người sử dụng cuối cùng hoá chất nêu tại phần A. Tôi (chúng tôi) sẽ không xuất khẩu, bán lại hoặc bỏ lại bên ngoài lãnh thổ quốc gia của những người sử dụng nêu dưới đây cho bất kỳ ai, thể nhân hoặc pháp nhân. Chúng tôi cam đoan những nội dung kê khai trong Chứng nhận này là sự thật và không chịu trách nhiệm về những nội dung không có trong Chứng nhận này.		
Tên:		Khối lượng (kg):
Chức vụ:		
Doanh nghiệp:		
Địa chỉ:		
Chữ ký:		Ngày:
Tên:		Khối lượng (kg):
Chức vụ:		
Doanh nghiệp:		
Chữ ký:		Ngày:
D. CHỨNG NHẬN CỦA QUỐC GIA TIẾP NHẬN[2]		
Chứng nhận rằng hóa chất đã tiếp nhận nêu trên sẽ chỉ được sử dụng cho những mục đích không bị cấm theo Công ước Cấm vũ khí hoá học và sẽ không được tái chuyển giao.		
Tên:		
Chức vụ:		
Cơ quan:		
Địa chỉ:		
Chữ ký:		

Chú thích:

[1]Áp dụng cho thủ tục xin cấp giấy phép xuất khẩu hóa chất Bảng 3 với tổ chức, cá nhân thuộc quốc gia không là thành viên Công ước. Chứng nhận này nộp kèm trong hồ sơ xin giấy phép xuất khẩu.

[2]Quốc gia tiếp nhận là Quốc gia không là thành viên Công ước, nhập khẩu hóa chất Bảng 3 từ Việt Nam.

Mẫu số 03

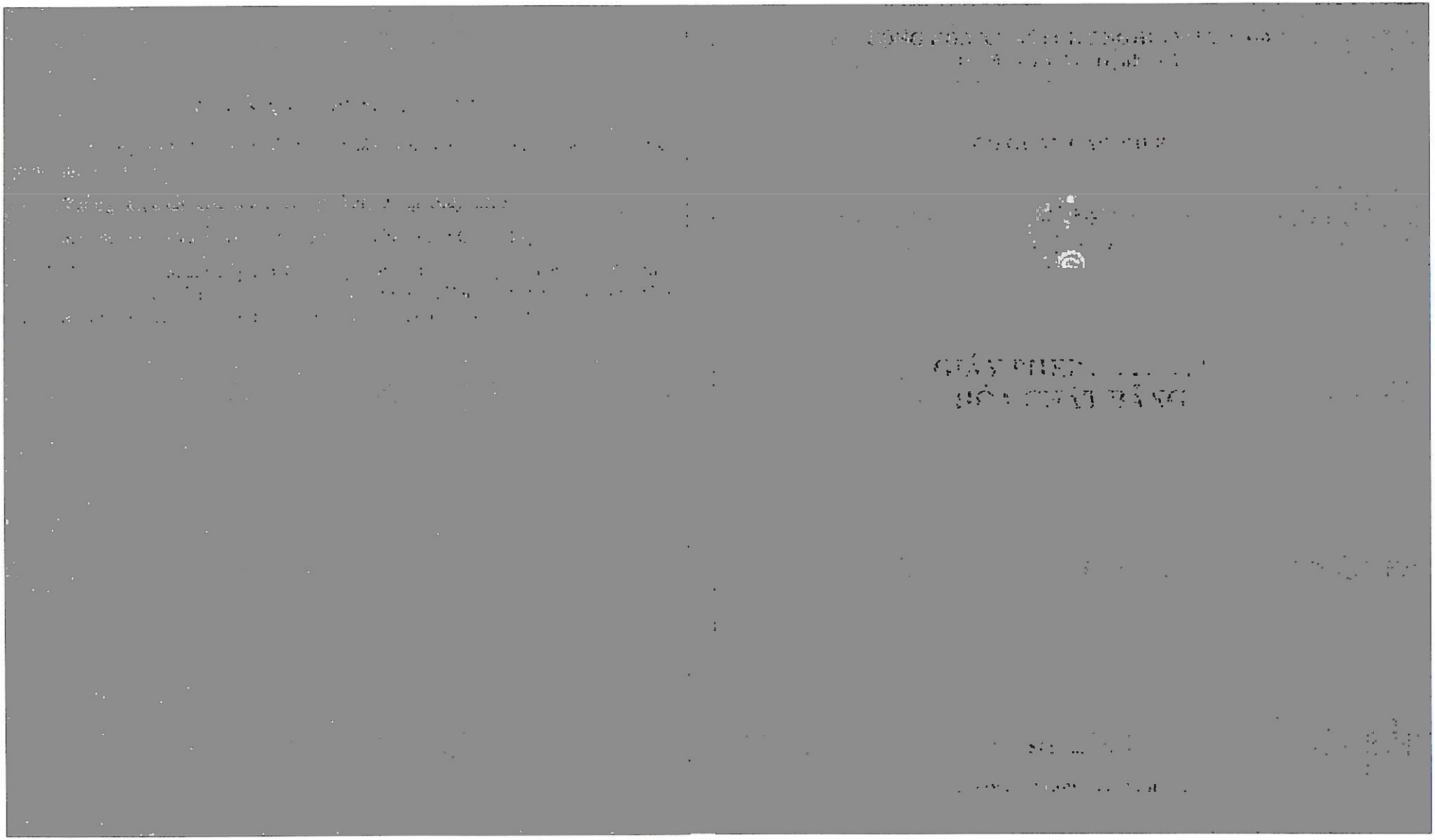

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP PHÉP

Số: ... /...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...[2], ngày . . tháng . . . năm . . .

GIẤY PHÉP . . . . . .[1]
Hóa chất Bảng

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP .....[3]

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Theo . . . [4];

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép . . . [1] hóa chất Bảng của. . .[5];

Theo đề nghị của . . . [6].

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép . . . [5]:

1. Địa chỉ trụ sở chính: . . .

2. Số điện thoại: . . . Fax: . . .

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất/kho hóa chất: . . .

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[7]

5. Mã số doanh nghiệp/thuế: . . .

Được ... [1] hóa chất Bảng với chủng loại và sản lượng cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất			Sản lượng sản xuất/ kinh doanh (năm)
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	
1		-	-		
2		-	-		
n		-	-		

Điều 2. . . .[5] phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nếu có sự thay đổi các thông tin nêu tại Giấy phép này và thay đổi điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng, . . .[5] có nghĩa vụ báo cáo với...[3]

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký[8]./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- . . . [9]
- Lưu: VT, . . . [10]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

[1] Ghi rõ loại hình hoạt động "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh".

[2] Ghi địa bàn nơi có trụ sở chính của cơ quan cấp phép.

[3] Ghi chức danh của cơ quan cấp phép.

[4] Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cấp phép.

[5] Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

[6] Trưởng đơn vị tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình lãnh đạo cơ quan cấp phép.

[7] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.

[8] Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, Giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể "Giấy phép này thay thế Giấy phép số . . . ngày . . . tháng . . . năm . . ."

[9] Tên các tổ chức liên quan.

[10] Ghi chữ viết tắt của đơn vị thẩm định hồ sơ.

Mẫu số 04

CƠ QUAN CẤP TRÊN **CƠ QUAN CẤP PHÉP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../...	..., *ngày ... tháng ... năm ...*

GIẤY PHÉP
Nhập khẩu/xuất khẩu[2] hóa chất Bảng

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP...[3]

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Theo ...[4];

Xét đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[2] hóa chất Bảng[5] tại văn bản số: ... ngày ... tháng ... năm của ...[6].

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép .....[6]

1. Địa chỉ trụ sở chính: .....

2. Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: .....[7]

4. Mã số doanh nghiệp/thuế: ...

- Được nhập khẩu/xuất khẩu[2] hóa chất Bảng[5] như Phụ lục đính kèm.

- Mục đích nhập khẩu/xuất khẩu[2]: .....[8]

- Thời gian thực hiện nhập khẩu/xuất khẩu[2]: .....

Điều 2. ....[6] phải thực hiện đúng mục đích nhập khẩu/xuất khẩu[2], các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...[9]

Nơi nhận: - Như Điều 1; - Chi cục Hải quan cửa khẩu; - Lưu: VT, ...[10]	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP** *(Ký tên và đóng dấu)*

Chú thích:

[1] Ghi địa bàn nơi có trụ sở chính của cơ quan cấp phép.

[2] Ghi rõ "nhập khẩu" hoặc "xuất khẩu".

[3] Ghi chức danh của cơ quan cấp phép.

[4] Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cấp phép.

[5] Ghi cụ thể hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2 hoặc hóa chất Bảng 3.

[6] Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép.

[7] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.

[8] Ghi mục đích nhập khẩu để "sử dụng trong sản xuất" hoặc để 'kinh doanh".

[9] Thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp phép. Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh, Giấy phép cũ phải được thay thế, ghi cụ thể "Giấy phép này thay thế Giấy phép số . . . ngày . . . tháng . . . năm . . ."

[10] Ghi chữ viết tắt của đơn vị thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép.

Phụ lục

DANH MỤC HÓA CHẤT

(Kèm theo Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu số:... ngày... tháng .... năm ....)

TT	Tên thương mại	Thông tin thành phần hoá chất Bảng			Khối lượng			Mô tả	Quốc gia xuất khẩu/ nhập khẩu
		Tên hóa chất Bảng	Mã CAS	Hàm lượng (%)	Đơn vị tính	Thành phần hoá chất Bảng	Hỗn hợp chứa hoá chất bảng		
1	ABC	Triethanolamine	102-71-6	20	Kilogam	100	500	Xuất khẩu/Nhập khẩu 100 kg Triethanolamine (hàm lượng 20%) trong 500 kg hỗn hợp có tên thương mại ABC theo hợp đồng/ thoả thuận mua bán/hoá đơn/vận đơn số... ngày... tháng... năm...	Hàn Quốc
2	Triethanolamine	Triethanolamine	102-71-6	100	Kilogam	100	100	Xuất khẩu/Nhập khẩu 100 kg Triethanolamine (hàm lượng 100%) theo hợp đồng/ thoả thuận mua bán/hoá đơn/vận đơn số... ngày... tháng... năm...	
n									

Mẫu số 05

THUYẾT MINH
Điều kiện sản xuất, kinh doanh[1] hóa chất Bảng

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng: . . . . . .

2. Hóa chất Bảng[2] đề nghị cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh: . . . . . .

3. Bản kê khai địa điểm sản xuất, kinh doanh[1]: . . . . . .

4. Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa: Bản vẽ phải có các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất (bản vẽ kèm theo Thuyết minh này).

5. Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa (liệt kê tên giấy tờ):

- . . . . . .

- . . . . . .

(Gửi bản phô tô công chứng kèm theo Thuyết minh này).

6. Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất hóa chất Bảng[3], gồm:

- Sơ đồ quy trình;

- Nội dung thuyết minh quy trình.

7. Quy trình kinh doanh hóa chất Bảng[3]:

- Sơ đồ quy trình;

- Nội dung thuyết minh quy trình.

8. Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất gồm các thông tin như bảng dưới đây:

TT	Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn trong sản xuất, kinh doanh	Thông số kỹ thuật chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất	Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định
1						
2						
3						
n						

9. Phiếu an toàn hóa chất[4]:

- . . . . . .

- . . . . . .

(Gửi Phiếu an toàn hóa chất kèm theo Thuyết minh này).

Chú thích:

[1] Ghi rõ loại hình hoạt động "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh".

[2] Ghi cụ thể hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2 hoặc hóa chất Bảng 3.

[3] Nêu rõ quy trình sản xuất từ khâu đầu vào đến đầu ra. Nêu rõ quy trình kinh doanh từ khâu nhập hàng, giao khách hàng đến vận chuyển hoặc tàng trữ. Trường hợp sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng thì phải thuyết minh hai quy trình: Sản xuất; kinh doanh.

[4] Nếu có từ 02 hóa chất trở lên cần liệt kê từng Phiếu an toàn hóa chất.

Mẫu số 06

HƯỚNG DẪN
Đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng

I. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

2. Địa điểm cơ sở sản xuất/kinh doanh: . . . . . .

3. Nhà xưởng sản xuất, kinh doanh và kho chứa hóa chất phải đáp ứng các yêu cầu:

- Thiết kế, bố trí thiết bị dây chuyền sản xuất theo quy tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra.

- Nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có lối, cửa thoát hiểm. Lối thoát hiểm phải được chỉ dẫn rõ ràng bằng bảng hiệu, đèn báo và được thiết kế thuận lợi cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

- Hệ thống thông gió của nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống thông gió.

- Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu trữ hóa chất. Thiết bị điện trong nhà xưởng, kho chứa có hóa chất dễ cháy, nổ phải đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ.

- Sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải chịu được hóa chất, tải trọng, không gây trơn trượt, có rãnh thu gom và thoát nước tốt.

- Nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất, treo ở nơi dễ thấy. Các biển báo thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất phải có các thông tin: Mã nhận dạng hóa chất; hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì hình đồ cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó.

Tại khu vực sản xuất có hóa chất nguy hiểm phải có bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác an toàn ở vị trí dễ đọc, dễ thấy.

- Nhà xưởng, kho chứa phải có hệ thống thu lôi chống sét hoặc nằm trong khu vực được chống sét an toàn và được định kỳ kiểm tra theo các quy định hiện hành.

- Đối với bồn chứa ngoài trời (nếu có) phải xây đê bao hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để đảm bảo hóa chất không thoát ra môi trường khi xảy ra sự cố hóa chất và có biện pháp phòng chống cháy nổ, chống sét.

4. Sổ theo dõi riêng việc mua bán hóa chất Bảng phải có các nội dung: Tên hóa chất Bảng, hàm lượng, số lượng xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, tồn kho; tên khách hàng gồm các thông tin như địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ kinh doanh, số điện thoại, mục đích mua bán hóa chất Bảng

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ

1. Đối với cơ sở sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng, đánh giá tất cả các nội dung liên quan đến sản xuất, kinh doanh nêu trên.

2. Những nội dung đánh giá phải được ghi vào biên bản đánh giá.

3. Kết quả đánh giá là "Đạt" hoặc "Không đạt" và biện pháp khắc phục.

Mẫu số 07

CƠ QUAN CẤP TRÊN **CƠ QUAN ĐÁNH GIÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	[1]. . . . , *ngày . . . tháng . . . năm . . .*

BIÊN BẢN
Đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng tại . . . . .[2]

Thực hiện thủ tục cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng tại Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh[3] hóa chất Bảng[4] của cơ sở được đánh giá[2], vào hồi ...[5] ngày . . . tháng . . . năm . . . , Cơ quan đánh giá đã tổ chức kiểm tra điều kiện thực tế tại cơ sở được đánh giá[2] có địa chỉ sau đây:

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

- Địa chỉ kho hóa chất: . . . . . .

- Số điện thoại: . . . số fax: . . . email: . . .

I. Thành phần

1. Cơ quan đánh giá:

Ông/bà. . . . . Chức vụ: . . . . . .

2. Đại diện Sở Công Thương:

Ông/bà. . . . . Chức vụ: . . . . . .

3. Đại diện của cơ sở được đánh giá[2]

Ông/bà. . . . . Chức vụ: . . . . . .

II. Nội dung đánh giá

1. Về chủ thể

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp[6]

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có)[5]

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)[5]

2. Về nhà xưởng, kho chứa hóa chất

Nêu các yêu cầu như tại nội dung đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng.

3. Tuân thủ quy định về môi trường, phòng chống cháy nổ

- Về bảo vệ môi trường[7]

- Về phòng cháy, chữa cháy[8]

4. Điều kiện chuyên môn

- Yêu cầu về chuyên môn trong sản xuất[9]

- Yêu cầu về chuyên môn trong kinh doanh[10]

5. Về huấn luyện an toàn hóa chất

- Nêu rõ đơn vị tổ chức hay cử người tham gia các khóa huấn luyện an toàn hóa chất.

- Nêu tên quyết định công nhận kết quả huấn luyện.

6. Về hóa chất Bảng đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh

- Tên hóa chất Bảng: . . . . . .

- Tàng trữ, bảo quản hóa chất Bảng: . . . . . .

- Quy trình sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng: . . . . . .

- San chiết hóa chất Bảng (nếu có): . . . . . .

- Vận chuyển hóa chất Bảng: . . . . . .

III. Ý kiến của Đoàn đánh giá

. . . . . .

Kết quả: Đạt ☐ Không đạt ☐

Biện pháp khắc phục (nếu có): . . . . . .

IV. Ý kiến của đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh

. . . . . .

Buổi đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh tại cơ sở được đánh giá[2] kết thúc vào hồi ...[5] cùng ngày. Nội dung của Biên bản được các thành viên tham gia đánh giá nhất trí.

Biên bản được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ **TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ**

ĐẠI DIỆN SỞ CÔNG THƯƠNG

Chú thích:

[1] Địa danh nơi đánh giá điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh.

[2] Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh được đánh giá.

[3] Ghi rõ loại hình hoạt động "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh".

[4] Ghi cụ thể hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2 hoặc hóa chất Bảng 3.

[5] Ghi cụ thể thời gian.

[6] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.

[7] Ghi cụ thể tên văn bản được cơ quan có thẩm quyền về môi trường cấp/phê duyệt.

(Ví dụ: Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, …)

[8] Ghi cụ thể tên văn bản được cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy, chữa cháy cấp.

(Ví dụ: Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy hoặc Biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy)

[9] Nếu là loại hình sản xuất ghi rõ bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất.

[10] Nếu là loại hình kinh doanh ghi rõ bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh.

[9, 10] Nếu là loại hình sản xuất và kinh doanh phải ghi cụ thể hai văn bằng tại chú thích số 9 và số 10.

Mẫu số 08

BÁO CÁO HÓA CHẤT BẢNG 1

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất Bảng 1)

Mẫu số 8a

BÁO CÁO BAN ĐẦU VỀ CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 1

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Thông tin về cơ sở hóa chất Bảng 1

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh: .....

Địa điểm nơi đặt cơ sở phải báo cáo: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Mục đích hoạt động của cơ sở:

- Nghiên cứu

- Y tế

- Dược phẩm

- Bảo vệ

Loại cơ sở (*): ☐ Cơ sở quy mô đơn lẻ ☐ Cơ sở khác

2. Hoá chất/Tiền chất

Đơn vị: ☐ gam, ☐ kg, ☐ tấn

Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Hàm lượng hoặc nồng độ:	
Mã số HS:	
Loại hình hoạt động tại cơ sở:	☐ Sản xuất ☐ Chế biến ☐ sử dụng ☐ Tàng trữ
Tổng công suất:	
Số lượng dây chuyền thiết bị phản ứng:	
Dung tích của từng thiết bị phản ứng:	Thiết bị phản ứng 1: Thiết bị phản ứng 2: .....
Phương pháp sản xuất (liên tục, gián đoạn):	
Mục đích sản xuất:	
Các dẫn xuất hoá chất Bảng 1, 2 và 3 được sử dụng để sản xuất các hoá chất Bảng 1 (*yêu cầu kê khai từng hóa chất cụ thể*)	
Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hóa học:	
Hàm lượng hoặc nồng độ:	
Số lượng sử dụng dự kiến:	

3. Mô tả về dây chuyền thiết bị và quy trình công nghệ áp dụng:

.....

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn báo cáo: 210 ngày trước khi cơ sở đi vào vận hành.

Mẫu số 8b

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 1

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ... / ...	*....., ngày .... tháng .... năm .....*

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Thông tin về cơ sở hóa chất Bảng 1

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh: .....

Địa điểm nơi đặt cơ sở phải báo cáo: .....

- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Mục đích hoạt động của cơ sở:

- Nghiên cứu
- Y tế
- Dược phẩm
- Bảo vệ

Loại cơ sở (*): ☐ Cơ sở quy mô đơn lẻ ☐ Cơ sở khác

2. Hoá chất/Tiền chất

Đơn vị: ☐ gam, ☐ kg, ☐ tấn

Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại, tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
A. SẢN XUẤT	
Công suất sản xuất mới:	
Số lượng dây chuyền thiết bị phản ứng mới tham gia sản xuất và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Mục đích sản xuất:	
Thời gian bắt đầu thực hiện:	

B. CHẾ BIẾN	
Công suất chế biến mới:	
Số lượng dây chuyền thiết bị phản ứng mới tham gia chế biến và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Mục đích chế biến:	
Thời gian bắt đầu thực hiện:	
C. SỬ DỤNG	
Công suất sử dụng mới:	
Số lượng dây chuyền thiết bị phản ứng dự kiến tham gia sản xuất và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Mục đích sử dụng:	
Thời gian bắt đầu thực hiện:	
D. PHÂN PHỐI TRONG NƯỚC	
Tên người nhận mới:	
Địa chỉ:	
Số lượng cung cấp:	
Nồng độ, hàm lượng:	
Thời gian bắt đầu thực hiện:	
Mục đích sử dụng của người nhận:	

3. Mô tả các thay đổi, bổ sung về dây chuyền thiết bị và quy trình công nghệ áp dụng so với báo cáo trước đây:

.....

.....

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn báo cáo: 210 ngày trước khi tiến hành việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi.

Mẫu 8c

BÁO CÁO XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU HÓA CHẤT BẢNG 1

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
———

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày... tháng.... năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Tên tổ chức, cá nhân: .....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

3. Nơi đặt trụ sở chính: . . . . . .

4. Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Tên IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường khác:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Hàm lượng/nồng độ:	
Mã số HS:	
A. NHẬP KHẨU	
Tên quốc gia xuất khẩu:	
Tên công ty xuất khẩu:	
Địa chỉ: Điện thoại, Fax, Email:	
Ngày nhập khẩu (dự kiến):	
Giấy phép nhập khẩu số:	
Số lượng:	
Mục đích nhập khẩu:	
B. XUẤT KHẨU	
Tên quốc gia nhập khẩu:	
Tên người nhận:	
Địa chỉ: Điện thoại, Fax, Email:	
Ngày xuất khẩu (dự kiến):	
Giấy phép xuất khẩu số:	
Số lượng:	
Mục đích của người nhận:	

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . .

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất Bảng.
- Thời hạn nộp: 45 ngày trước khi tiến hành xuất khẩu/nhập khẩu.

Mẫu số 8d

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 1

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: ... / ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Doanh nghiệp xin báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến, sử dụng, tàng trữ hóa chất Bảng 1 như sau:

1. Tình hình sản xuất hóa chất Bảng 1

- Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 số: .... ngày .... tháng .... năm ....

- Địa điểm đặt cơ sở sản xuất hóa chất Bảng 1: .....

- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

- Thông tin chi tiết về hoạt động sản xuất hóa chất Bảng 1:

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất				Công suất	Khối lượng sản xuất thực tế	Khối lượng dự kiến sản xuất năm tiếp theo	Mục đích sản xuất
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng, nồng độ				
1									
2									
...									

2. Tình hình xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng 1

- Địa điểm kho chứa hóa chất Bảng 1: .....

- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

- Bảng kê chi tiết hoạt động xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng 1:

A. Nhập khẩu hóa chất Bảng

TT	Thông tin về hóa chất	Số Giấy phép nhập khẩu	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Tên quốc gia xuất khẩu	Dự kiến nhập khẩu trong năm tiếp theo	Mục đích
1	- Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:					
2						
...						

B. Xuất khẩu hóa chất Bảng

TT	Thông tin về hóa chất	Số Giấy phép xuất khẩu	Khối lượng xuất khẩu thực tế	Tên quốc gia nhập khẩu	Dự kiến xuất khẩu trong năm tiếp theo	Mục đích
1	- Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:					
2						
...						

3. Tình hình chế biến hóa chất Bảng 1

- Địa điểm đặt cơ sở chế biến hóa chất Bảng 1: .....
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .
- Thông tin chi tiết về hoạt động chế biến hóa chất Bảng 1:

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất				Công suất chế biến	Khối lượng chế biến thực tế	Khối lượng dự kiến chế biến năm tiếp theo	Mục đích chế biến
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng, nồng độ				
1									
2									
...									

4. Tình hình sử dụng hóa chất Bảng 1

- Địa điểm đặt cơ sở sử dụng hóa chất Bảng 1: .....
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .
- Thông tin chi tiết về hoạt động sử dụng hóa chất Bảng 1:

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất				Khối lượng sử dụng thực tế	Khối lượng dự kiến sử dụng năm tiếp theo	Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng, nồng độ			
1								
2								
...								

5. Tình hình tàng trữ hóa chất Bảng 1

- Địa điểm cất giữ hóa chất Bảng 1: . . . . . .
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .
- Tên gọi theo IUPAC: . . . . . .
- Tên thương mại hay tên gọi thông thường: . . . . . .
- Số CAS: . . . . . .
- Công thức hoá học: . . . . . .
- Hàm lượng hoặc nồng độ: . . . . . .
- Khối lượng cất giữ: . . . . . .
- Thời gian cất giữ: . . . . . .
- Mục đích cất giữ: . . . . . .

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Mẫu số 09

BÁO CÁO HÓA CHẤT BẢNG 2

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, chế biến, sử dụng hóa chất Bảng 2)

Mẫu số 9a

BÁO CÁO BAN ĐẦU VỀ CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 2

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Thông tin về cơ sở hóa chất Bảng 2

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh: .....

Địa điểm nơi đặt cơ sở phải báo cáo: .....

- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Mục đích hoạt động của cơ sở:

2. Hoá chất/Tiền chất

Đơn vị: ☐ tấn ☐ kg

Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Công thức hoá học:	
Số CAS:	
Tổng công suất chung của cơ sở:	
Số dây chuyền thiết bị:	
A. SẢN XUẤT	
Tổng công suất sản xuất:	
Số dây chuyền thiết bị tham gia sản xuất và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Thời gian dự kiến bắt đầu sản xuất:	

B. CHẾ BIẾN	
Tổng công suất chế biến:	
Số dây chuyền thiết bị tham gia chế biến và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động chế biến:	
C. SỬ DỤNG	
Tổng công suất sử dụng:	
Số dây chuyền thiết bị tham gia hoạt động sử dụng và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động:	
Mục đích sản xuất, chế biến hoặc sử dụng	
☐ Sản xuất, chế biến hoặc sử dụng tại chỗ:	
☐ Xuất khẩu: (*ghi rõ tên và địa chỉ nhà nhập khẩu dự kiến nếu có*)	
☐ Cung cấp cho ngành công nghiệp khác:	
☐ Cung cấp cho công ty thương mại:	
☐ Mục đích khác:	

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: 60 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động.

Mẫu số 9b

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 2

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Thông tin về cơ sở hóa chất Bảng 2

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh: .....

Địa điểm nơi đặt cơ sở phải báo cáo: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Mục đích hoạt động của cơ sở:

2. Hoá chất/Tiền chất

Đơn vị: ☐ tấn ☐ kg

Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Tổng công suất chung của cơ sở:	
Tổng số dây chuyền thiết bị tại cơ sở:	
A. SẢN XUẤT	
Tổng công suất sản xuất mới:	
Số dây chuyền sản xuất mới và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Thời gian bắt đầu thực hiện:	

B. CHẾ BIẾN	
Tổng công suất chế biến mới:	
Số dây chuyền chế biến mới và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Thời gian bắt đầu thực hiện:	
C. SỬ DỤNG	
Tổng công suất sử dụng mới:	
Số dây chuyền sử dụng mới và công suất cụ thể:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Thời gian bắt đầu thực hiện:	
Mục đích sản xuất, chế biến hoặc sử dụng	
☐ Sản xuất, chế biến hoặc sử dụng tại chỗ:	
☐ Xuất khẩu (*ghi rõ tên và địa chỉ nhà nhập khẩu*):	
☐ Cung cấp cho ngành công nghiệp khác:	
☐ Cung cấp cho công ty thương mại:	
☐ Mục đích khác:	

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: chậm nhất là 30 ngày trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi.

Mẫu số 9c

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 2

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
———

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Doanh nghiệp xin báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến, sử dụng hóa chất Bảng 2 như sau:

1. Tình hình sản xuất hóa chất Bảng 2

- Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 số: .... ngày .... tháng .... năm ....

- Địa điểm đặt cơ sở sản xuất hóa chất Bảng 2: .....

- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

- Thông tin chi tiết về hoạt động sản xuất hóa chất Bảng 2:

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất				Công suất	Khối lượng sản xuất thực tế	Khối lượng dự kiến sản xuất năm tiếp theo	Mục đích sản xuất
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng, nồng độ				
1									
2									
...									

2. Tình hình kinh doanh hóa chất Bảng 2

- Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2 số: .... ngày .... tháng .... năm ....

- Địa điểm đặt cơ sở kinh doanh hóa chất Bảng 2: .....

- Địa điểm kho chứa hóa chất Bảng 2: .....

- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

- Bảng kê chi tiết hoạt động kinh doanh hóa chất Bảng 2:

A. Mua hóa chất Bảng					
TT	**Thông tin về hóa chất**	**Khối lượng**	**Tên, địa chỉ Công ty mua**	**Dự kiến trong năm tiếp theo**	**Mục đích**
1	- Tên thương mại: - Tên gọi theo IUPAC: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:				
2					
...					

B. Bán hóa chất Bảng					
TT	**Thông tin về hóa chất**	**Khối lượng**	**Tên, địa chỉ Công ty bán**	**Dự kiến trong năm tiếp theo**	**Mục đích**
1	- Tên thương mại: - Tên gọi theo IUPAC: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:				
2					
...					

3. Tình hình xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng 2

- Địa điểm kho chứa hóa chất Bảng 2: .....

- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

- Bảng kê chi tiết hoạt động xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng 2:

A. Nhập khẩu hóa chất Bảng						
TT	**Thông tin về hóa chất**	**Số Giấy phép nhập khẩu**	**Khối lượng nhập khẩu thực tế**	**Tên quốc gia xuất khẩu**	**Dự kiến nhập khẩu trong năm tiếp theo**	**Mục đích**
1	- Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:					
2						
...						

B. Xuất khẩu hóa chất Bảng						
TT	**Thông tin về hóa chất**	**Số Giấy phép xuất khẩu**	**Khối lượng xuất khẩu thực tế**	**Tên quốc gia nhập khẩu**	**Dự kiến xuất khẩu trong năm tiếp theo**	**Mục đích**
1	- Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:					
2						
...						

4. Tình hình chế biến hóa chất Bảng 2

- Địa điểm đặt cơ sở chế biến hóa chất Bảng 2: .....
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .
- Thông tin chi tiết về hoạt động chế biến hóa chất Bảng 2:

TT	**Tên thương mại**	**Thông tin hóa chất**				**Công suất chế biến**	**Khối lượng chế biến thực tế**	**Khối lượng dự kiến chế biến năm tiếp theo**	**Mục đích chế biến**
		Tên hóa chất	**Mã số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng, nồng độ**				
1									
2									
...									

5. Tình hình sử dụng hóa chất Bảng 2

- Địa điểm đặt cơ sở sử dụng hóa chất Bảng 2: .....
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .
- Thông tin chi tiết về hoạt động sử dụng hóa chất Bảng 2:

TT	**Tên thương mại**	**Thông tin hóa chất**				**Khối lượng sử dụng thực tế**	**Khối lượng dự kiến sử dụng năm tiếp theo**	**Mục đích sử dụng**
		Tên hóa chất	**Mã số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng, nồng độ**			
1								
2								
...								

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Mẫu số 10

BÁO CÁO HÓA CHẤT BẢNG 3
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3)

Mẫu số 10a

BÁO CÁO BAN ĐẦU VỀ CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 3

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Thông tin về cơ sở hóa chất Bảng 3

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh: .....

Địa điểm nơi đặt cơ sở phải báo cáo: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Mục đích hoạt động của cơ sở:

2. Hoá chất/Tiền chất

Đơn vị: ☐ tấn ☐ kg

Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Nồng độ hoặc hàm lượng:	
Tổng công suất sản xuất:	
Tổng số dây chuyền sản xuất: …….. Trong đó: - Công suất dây chuyền 1: …….. - Công suất dây chuyền 2: ..... - ……	
Mục đích sản xuất:	

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: 30 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động.

Mẫu số 10b

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 3

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Thông tin về cơ sở hóa chất Bảng 3

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh: .....

Địa điểm nơi đặt cơ sở phải báo cáo: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....

Mục đích hoạt động của cơ sở:

2. Hoá chất/Tiền chất

Đơn vị: ☐ tấn ☐ kg

Tên gọi theo IUPAC:	
Tên thương mại hay tên gọi thông thường:	
Số CAS:	
Công thức hoá học:	
Hàm lượng hoặc nồng độ:	
Tổng công suất sản xuất mới:	
Số lượng dây chuyền mới bổ sung: *Trong đó*: - Công suất dây chuyền 1: - Công suất dây chuyền 2:	....
Mục đích đầu tư bổ sung:	

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: 30 ngày trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi.

Mẫu số 10c

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ HÓA CHẤT BẢNG 3

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Doanh nghiệp xin báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3 như sau:

1. Tình hình sản xuất hóa chất Bảng 3

- Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 3 số: .... ngày .... tháng .... năm ....
- Địa điểm đặt cơ sở sản xuất hóa chất Bảng 3: .....
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .
- Thông tin chi tiết về hoạt động sản xuất hóa chất Bảng 3:

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất				Công suất	Khối lượng sản xuất thực tế	Khối lượng dự kiến sản xuất năm tiếp theo	Mục đích sản xuất
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng, nồng độ				
1									
2									
...									

2. Tình hình kinh doanh hóa chất Bảng 3

- Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 3 số: .... ngày .... tháng .... năm ....
- Địa điểm đặt cơ sở kinh doanh hóa chất Bảng 3: .....
- Địa điểm kho chứa hóa chất Bảng 3: .....
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

- Bảng kê chi tiết hoạt động kinh doanh hóa chất Bảng 3:

A. Mua hóa chất Bảng					
TT	**Thông tin về hóa chất**	**Khối lượng**	**Tên, địa chỉ Công ty bán**	**Dự kiến trong năm tiếp theo**	**Mục đích**
1	- Tên thương mại: - Tên gọi theo IUPAC: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:				
2					
...					
B. Bán hóa chất Bảng					
TT	**Thông tin về hóa chất**	**Khối lượng**	**Tên, địa chỉ Công ty mua**	**Dự kiến trong năm tiếp theo**	**Mục đích**
1	- Tên thương mại: - Tên gọi theo IUPAC: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:				
2					
...					

3. Tình hình xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng 3

- Địa điểm kho chứa hóa chất Bảng 3: .....

- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

- Bảng kê chi tiết hoạt động xuất khẩu/nhập khẩu hóa chất Bảng 3:

A. Nhập khẩu hóa chất Bảng						
TT	**Thông tin về hóa chất**	**Số Giấy phép nhập khẩu**	**Khối lượng nhập khẩu thực tế**	**Tên quốc gia xuất khẩu**	**Dự kiến nhập khẩu trong năm tiếp theo**	**Mục đích**
1	- Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:					
2						
...						

B. Xuất khẩu hóa chất Bảng						
TT	**Thông tin về hóa chất**	**Số Giấy phép xuất khẩu**	**Khối lượng xuất khẩu thực tế**	**Tên quốc gia nhập khẩu**	**Dự kiến xuất khẩu trong năm tiếp theo**	**Mục đích**
1	- Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại: - Số CAS: - Công thức hóa học: - Hàm lượng/nồng độ:					
2						
...						

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Mẫu số 11

BÁO CÁO HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF)

Mẫu số 11a

BÁO CÁO BAN ĐẦU VỀ CƠ SỞ HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Thông tin về cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh: .....

Địa điểm nơi đặt cơ sở phải báo cáo: .....

- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Mục đích hoạt động của cơ sở:

2. Hóa chất

Đơn vị: ☐ tấn ☐ kg

Đối với những địa điểm nhà máy sản xuất trên 200 tấn hóa chất hữu cơ riêng biệt (DOC)	
Số lượng dây chuyền sản xuất hoá chất DOC: 1. Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại hay tên gọi thông thường: - Số CAS: - Công thức hoá học: - Công suất sản xuất: - Nồng độ hoặc hàm lượng: - Thời gian dự kiến bắt đầu sản xuất:	

Đối với những địa điểm nhà máy sản xuất trên 30 tấn hoá chất hữu cơ riêng biệt chứa phốt pho, lưu huỳnh và flo (DOC- PSF)	
Số lượng dây chuyền sản xuất hoá chất DOC: 1. Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại hay tên gọi thông thường: - Số CAS: - Công thức hoá học: - Công suất sản xuất: - Nồng độ hoặc hàm lượng: - Thời gian dự kiến bắt đầu sản xuất:	

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: 30 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động.

Mẫu số 11b

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ CƠ SỞ HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1. Thông tin về cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh: .....

Địa điểm nơi đặt cơ sở phải báo cáo: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....

Mục đích hoạt động của cơ sở:

2. Hóa chất

Đơn vị: ☐ tấn ☐ kg

Đối với những địa điểm nhà máy sản xuất trên 200 tấn hóa chất hữu cơ riêng biệt (DOC)	
Số lượng dây chuyền sản xuất hoá chất DOC mới: 1. Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại hay tên gọi thông thường: - Số CAS: - Công thức hoá học: - Công suất sản xuất: - Nồng độ hoặc hàm lượng: - Thời gian dự kiến bắt đầu sản xuất:	

Đối với những địa điểm nhà máy sản xuất trên 30 tấn hoá chất hữu cơ riêng biệt chứa phốt pho, lưu huỳnh và flo (DOC- PSF)	
Số lượng dây chuyền sản xuất hoá chất DOC mới: 1. Tên gọi theo IUPAC: - Tên thương mại hay tên gọi thông thường: - Số CAS: - Công thức hoá học: - Công suất sản xuất: - Nồng độ hoặc hàm lượng: - Thời gian dự kiến bắt đầu sản xuất:	

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: Chậm nhất là 30 ngày trước khi tiến hành bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi.

Mẫu 11c

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ HÓA CHẤT DOC, DOC-PSF

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ... / ...	*....., ngày .... tháng .... năm .....*

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ....

Nơi đặt trụ sở chính: . . . . . .

Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . . Email: . . . . . .

Địa điểm đặt cơ sở sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF: .....

Mục đích sản xuất: .....

1. Đối với Nhà máy sản xuất trên 200 tấn hóa chất hữu cơ riêng biệt (DOC)

- Tên gọi theo IUPAC: . . . . . .

- Tên thương mại hay tên gọi thông thường: . . . . . .

- Số CAS: . . . . . .

- Công thức hóa học: . . . . . .

- Nồng độ hoặc hàm lượng: . . . . . .

- Số lượng dây chuyền sản xuất hóa chất DOC: . . . . . .

- Tổng công suất sản xuất: . . . . . tấn/năm

- Khối lượng thực tế sản xuất trong năm khai báo: ..... tấn/năm

- Khối lượng dự kiến sản xuất trong năm tiếp theo: ..... tấn/năm

2. Đối với Nhà máy sản xuất trên 30 tấn hóa chất hữu cơ riêng biệt chứa phốt pho, lưu huỳnh và flo (DOC-PSF)

- Tên gọi theo IUPAC: . . . . . .

- Tên thương mại hay tên gọi thông thường: . . . . . .

- Số CAS: . . . . . .

- Công thức hóa học: . . . . . .

- Nồng độ hoặc hàm lượng: . . . . . .

- Số lượng dây chuyền sản xuất hóa chất DOC-PSF: . . . . . .

- Tổng công suất sản xuất: . . . . . tấn/năm

- Khối lượng thực tế sản xuất trong năm khai báo: ..... tấn/năm

- Khối lượng dự kiến sản xuất trong năm tiếp theo: ..... tấn/năm

Chúng tôi cam kết các thông tin báo cáo là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin báo cáo theo quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
- Báo cáo cho từng hoá chất.
- Thời hạn nộp báo cáo: Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.